

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: “Mua sắm Vật tư y tế sử dụng năm 2024 - 2025”

Thuộc dự toán: Mua sắm Vật tư y tế - Hóa chất sử dụng năm 2024 - 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN AN BÌNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục dùng chung mã hàng sản xuất vật tư y tế (đợt 1) và nguyên tắc mã hóa vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-BVAB ngày 15/03/2024 của Giám đốc Bệnh viện An Bình về việc phê duyệt dự toán: Mua sắm Vật tư y tế - Hóa chất sử dụng năm 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-BVAB ngày 22/03/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự toán: Mua sắm Vật tư y tế - Hóa chất sử dụng năm 2024 - 2025;

Căn cứ Tờ trình số 31/TTr-BMT ngày 24/07/2024 của Bên Mời thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Mua sắm Vật tư y tế sử dụng năm 2024 - 2025” thuộc dự toán: Mua sắm Vật tư y tế - Hóa chất sử dụng năm 2024 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu với những nội dung sau đây:

1. **Tên gói thầu:** “Mua sắm Vật tư y tế sử dụng năm 2024 - 2025”;
2. **Nội dung dự toán:** Mua sắm Vật tư y tế - Hóa chất sử dụng năm 2024-2025;
3. **Địa điểm:** Tại Bệnh viện An Bình (Địa chỉ: 146 An Bình, Phường 7, Quận 5 TP. HCM);
4. **Danh mục hàng hóa trúng thầu:** (Đính kèm danh mục chi tiết);
5. **Giá trị hợp đồng:** (Chi tiết tại danh sách các Nhà thầu trúng thầu và giá trúng thầu tại Mục số 11, Điều 1);
6. **Nguồn vốn:** Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh (Bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán) và các nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện;
7. **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi, trong nước, không sơ tuyển, qua mạng đấu thầu quốc gia;
8. **Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn, hai túi hồ sơ;
9. **Loại Hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói;
10. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
11. **Các nhà thầu trúng thầu và giá trúng thầu:**

STT	Tên nhà thầu	Giá trúng thầu (VND)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ACCUTECH VIỆT NAM	450.000.000
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	1.334.200.000
3	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	419.775.000
4	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM	666.841.000
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH	1.008.800.100
6	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED	575.984.600
7	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG	5.460.000

STT	Tên nhà thầu	Giá trúng thầu (VND)
8	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN	4.450.446.450
9	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC	250.800.000
10	CÔNG TY CP HỒNG DANH	458.483.800
11	CÔNG TY CPĐT NAM VIỆT THÁI SON	39.690.000
12	CÔNG TY TNHH C.P.V	75.067.500
13	CÔNG TY TNHH DYNAMED	29.600.000
14	CÔNG TY TNHH GAS VIỆT NAM	55.000.000
15	CÔNG TY TNHH HOÀNG BẢO NGUYỄN	380.625.000
16	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG VIỆT	76.500.000
17	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT Y TẾ M.D.T	93.765.000
18	CÔNG TY TNHH TM TBYT THÀNH KHOA	71.904.000
19	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC	3.830.431.500
20	CÔNG TY TNHH TM-DV-KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC	5.881.050.000
21	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ DMED	180.000.000
22	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	57.000.000
23	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH THIÊN	1.320.000
24	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG	679.416.885
25	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTOX VIỆT NAM	1.082.460.000

STT	Tên nhà thầu	Giá trúng thầu (VND)
26	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI	827.198.400
27	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Y TẾ MIỀN ĐÔNG	103.600.000
28	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DIÊN NIÊN	13.500.000
29	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH AN	19.804.000
30	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	1.324.000.000
31	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ Y TẾ AN PHA	1.777.650.000
32	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN	1.722.500.000
33	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	1.338.750
34	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH	245.721.100
35	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU KỸ THUẬT MINH THÀNH	310.275.000
36	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ	525.681.000
37	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ EMC	40.110.000
38	CTY TNHH KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÍN UY	1.079.830.000
TỔNG CỘNG		30.145.829.085 VND (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng./.)

Điều 2. Nhà thầu trúng thầu có trách nhiệm phối hợp với Bộ phận có liên quan cơ quan của chủ đầu tư để tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Tổ mua sắm và các bộ phận có liên quan và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký././.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TMS.
(TTM.6b)

GIÁM ĐỐC



HỒ HẢI TRƯỜNG GIANG

STT	Tên hàng hóa mô tả chi tiết	Tên hàng hóa thương mại	Mã VAT theo Quy định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quy định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính theo	Thành tiền	Giá niêm yết theo bảng giá số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG															
5	Đầu thất tĩnh mạch thực quản (multiband lipate barrel ent)	Đầu thất tĩnh mạch thực quản, gồm 7 vòng thất	N07.01.20 0.0442.279 .0002	Đầu thất tĩnh gần tĩnh mạch thực quản, gồm 7 vòng thất	- Đầu thất bao gồm 7 vòng thất bằng chất liệu tương thích sinh học được lắp sẵn. - Cấu trúc 2 sợi lõi. - Tương thích với tất cả ống sơ có đường kính ngoài 8,6 mm - 13 mm.	BL18-7A (B)	Beijing ZKSK Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	5 cái/ hộp	Cái	50	679.500	33.975.000	900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG
6	Clip cầm máu, tùy cầm lắp đặt, xoay được, loại đóng mở nhiều lần	Kẹp cầm máu (Hemoclip)	N08.00.26 0.5623.279 .0003	Kẹp cầm máu (Hemoclip)	Loại sử dụng 1 lần, - Clip lắp sẵn vào tay cầm - Dễ mở clip 1-16 mm. - Xoay được 360 độ, clip có thể đóng mở nhiều lần - Đường kính dụng cụ 2,6 mm, dài 230 cm.	AG-5108-2300- 135-9; AG-5103-2300- 135; AG-51018- 2300-135-13; AG-51044- 2300-135-16	Hangzhou AGS Medical Co., Ltd.	Trung Quốc	10 cái/ hộp	Cái	1.000	379.000	379.000.000	585.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG
7	Ngáng miệng	Ngáng miệng, sử dụng 1 lần	K07.04.09 0.2633.279 .0001	Ngáng miệng, sử dụng 1 lần	Ngáng miệng ngoài lớn, có dây chằng, kích thước 20 x 26 mm.	VDK-KD-31	Jiangsu Veikang Medical Science & Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	20 cái/ hộp	Cái	400	17.000	6.800.000	30.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM															
8	Kẹp rốn	Kẹp rốn MPV	N08.00.26 0.0976.000 .0001	Kẹp rốn MPV	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ bền lâu dài, không chứa độc tố DEHP. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	KR	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 100 cái x 30h/ kiện	cái	2.600	2.050	5.330.000	2.500	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
9	Bơm tiêm 20ml, 23Gx1"	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml	N03.01.07 0.0976.000 .0019	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 20ml	- Bơm tiêm nhựa làm từ kim loại, dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong nước, nhân bóng, không cong vênh, không có bụi. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông trong suốt, có khóa bẻ gãy để lấy sau khi sử dụng, không có bụi. - Bề mặt giống phẳng phù hợp dùng cho máy tiêm đến giúp bơm kết thúc trình của thuốc. - Kim tiêm bằng thép không gỉ 304, có độ bền cao, sắc nhọn, vết 3 cạnh. Kim có 2Gx1", 25G. Bơm kim có màu giúp phân biệt với kim tiêm khác. Bơm tiêm được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được test bằng bằng khí Ethylene Oxide (EO). Không chứa DEHP. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BIT20/ ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 50 cái x 16h/ kiện	Cái	110.000	1.600	176.000.000	2.700	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hóa dự thanh (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-VYT BYT	Tên VYT theo Quyết định số 5986/QĐ-VYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model) - Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính thanh	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
10	Bơm tiêm 10ml, kích thước 12x 50x50x127	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	N03.01.07 0.0976/000 0031	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	- Bơm tiêm nhựa tiêm kim y tế hình dạng tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong nước, nhựa bóng, không cong vênh, không có ba vữa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Thiết kế có kim bơm kết cấu hình trụ tròn giúp tiêm thuốc dễ dàng, độ lệch không quá ± 0.03mm, mũi và đầu tích thiết kế có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng. - Kim bơm bằng thép không gỉ 316L, độ dài 30mm, kích thước 26G/27G. Đặc tính của kim giúp phân phối thuốc đồng đều, không gây đau, kim bơm có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Bảo vệ phần đầu tích bằng nắp nhựa. - Sản phẩm được tiếp xúc bằng chất Ethylene Oxide (EO), không chứa DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BTX-10 ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (Cổ PV)	Việt Nam	Hộp 100x50x127 x 420x127	Cái	8.000	585	4.680.000	900	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
11	Bơm tiêm 3ml, kích thước 12x 50x50x127	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	N03.01.07 0.0976/000 0037	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	- Bơm tiêm nhựa tiêm kim y tế hình dạng tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong nước, nhựa bóng, không cong vênh, không có ba vữa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng, không có ba vữa. - Thiết kế có kim bơm kết cấu hình trụ tròn giúp tiêm thuốc dễ dàng, độ lệch không quá ± 0.03mm, mũi và đầu tích thiết kế có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng. - Kim bơm bằng thép không gỉ 316L, độ dài 30mm, kích thước 26G/27G. Đặc tính của kim giúp phân phối thuốc đồng đều, không gây đau, kim bơm có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Bảo vệ phần đầu tích bằng nắp nhựa. - Sản phẩm được tiếp xúc bằng chất Ethylene Oxide (EO), không chứa DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BTX-3 ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (Cổ PV)	Việt Nam	Hộp 100 x 50x127 x 420x127	Cái	8.000	585	4.680.000	900	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
12	Bơm tiêm 5ml, kích thước 12x 50x50x127	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	N03.01.07 0.0976/000 0097	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	- Bơm tiêm nhựa tiêm kim y tế hình dạng tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong nước, nhựa bóng, không cong vênh, không có ba vữa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có vạch chia 1ml. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng, không có ba vữa. - Thiết kế có kim bơm kết cấu hình trụ tròn giúp tiêm thuốc dễ dàng, độ lệch không quá ± 0.03mm, mũi và đầu tích thiết kế có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng. - Kim bơm bằng thép không gỉ 316L, độ dài 30mm, kích thước 26G/27G. Đặc tính của kim giúp phân phối thuốc đồng đều, không gây đau, kim bơm có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Bảo vệ phần đầu tích bằng nắp nhựa. - Sản phẩm được tiếp xúc bằng chất Ethylene Oxide (EO), không chứa DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BTX-5 ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (Cổ PV)	Việt Nam	Hộp 100 x 50x127 x 420x127	Cái	380.000	590	224.200.000	900	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
13	Bơm tiêm 10ml, kích thước 12x 50x50x127	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	N03.01.07 0.0976/000 0033	Bơm tiêm ECO tại động một lần tiêm	- Bơm tiêm nhựa tiêm kim y tế hình dạng tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong nước, nhựa bóng, không cong vênh, không có ba vữa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có vạch chia 1ml. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng, không có ba vữa. - Thiết kế có kim bơm kết cấu hình trụ tròn giúp tiêm thuốc dễ dàng, độ lệch không quá ± 0.03mm, mũi và đầu tích thiết kế có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Phần đầu tích có hình dạng để phù hợp với tay người dùng. - Kim bơm bằng thép không gỉ 316L, độ dài 30mm, kích thước 26G/27G. Đặc tính của kim giúp phân phối thuốc đồng đều, không gây đau, kim bơm có độ cong phù hợp để đưa thuốc vào tĩnh mạch. - Bảo vệ phần đầu tích bằng nắp nhựa. - Sản phẩm được tiếp xúc bằng chất Ethylene Oxide (EO), không chứa DEHP. - Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BTX-10 ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (Cổ PV)	Việt Nam	Hộp 100 x 50x127 x 420x127	Cái	200.000	867	173.400.000	1.350	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM

STT	Tên hàng hoá mới thay	Tên hàng hoá cũ (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ- BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ- BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng hàng	Thành tiền	Giá niêm yết theo Thông số Mã 07/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Bơm tiêm 50ml luer lock, dùng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml dầu xoắn	N03.01.07 0.0976.000 .0047	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml dầu xoắn	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml dầu xoắn, Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đặc sinh học có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây rỗng bơm tiêm điện, Giọng mềm dẻo, khi va đập tích không bị qua giọng ở đầu tip piston. Để dùng quanh sát thể tích làm đầy. Pittong có khóa bị gãy để huy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Vạch chia thể tích chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích từ 0 đến 50ml. Tiếp xúc bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995, CE.	BTLL50: ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 25 cái x 160/ kiện	Cái	15.000	3.995	59.925.000	11.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
15	Bơm tiêm nhựa 50ml, đặc si lanh to lắp vào dây cho ăn và có uớp dây.	Bơm cho ăn MPV 50ml	N03.01.01 0.0976.000 .0001	Bơm cho ăn MPV 50ml	- Bơm tiêm nhựa 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhân bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Có vạch chia 60ml. - Pittong có khóa bị gãy để huy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. - Độc xy lanh to lắp vào dây cho ăn. - Sản phẩm được đặt trong dụng khí Ethylene Oxide (EO). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 (TUV), ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995.	BCA	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 25 cái x 160/ kiện	Cái	4.000	3.500	14.000.000	5.500	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
16	ống hút thai	Ống hút siêu kinh MPV	N04.02.05 0.0976.000 .0001	Ống hút siêu kinh MPV	Ống hút thai bằng nhựa dài 22cm, Cắt rãnh 4,5,6 mm hiện tượng kích thích vùng ngoài của ống 4mm, 5mm, 6mm. Sản xuất nhân nhân PVC. Ống nhả ra ngoài trong suốt, không cong vênh. Được đặt trong bằng khí EO. HSD 60 tháng. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	CHDK	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Túi 01 cái x 500 túi/ kiện	cái	400	3.350	1.340.000	4.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
17	50 CC đầu hút	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml	N03.01.02 0.0976.000 .0005	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml	- Xylanh dùng tích 50cc đầu hút, không xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhân bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pittong có khóa bị gãy để huy, không có ba vĩa. - Độc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cơ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì gói rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được đặt trong dụng khí Ethylene Oxide (EO). - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 5903:1995.	BTCL50: ECO	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 25 cái x 160/ kiện	cái	480	3.200	1.536.000	5.500	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
18	Mô vi nhựa	Mô vi MPV	N08.00.26 0.0976.000 .0002	Mô vi MPV	Mô vi sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đóng gói tốt từng. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	MV	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Túi 1 cái x 250 cái/ kiện	cái	500	3.500	1.750.000	5.500	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM

STT	Tên hàng hóa mô tả	Tên hàng hóa dự trả (Tên thương mại)	Mã VAT Quỹ Phân bổ BYT	Tên VYT theo Quỹ phân bổ 506/QĐ-VYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng nhận (Model) Ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng tính	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Người dân số 07/2023 ABP-CP	Tên nhà tiêu
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
19	Gec Mecke phần lưu 3,5cm x 7,5cm x 8 lớp	Gec đầu lưu 3,5cm x 7,5cm x 8 lớp (tuyệt vời)	N02.03.02 0.4698.000 .0897	Gec đầu lưu 3,5cm x 7,5cm x 8 lớp (tuyệt vời)	Gec y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. - Không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không nứt, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất lọ màu trắng. - Trọng lượng: 26g/m ² ± 5% - Mật độ sợi: Sợi dọc 95 ± 5 sợi/10cm, Sợi ngang 75 ± 80 sợi/10cm - Tỷ lệ độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Không cần quang, được dệt bằng chỉ EO. - Kích thước: 3,5cm x 7,5cm x 8 lớp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	335PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	5 miếng/ gói	Miếng	2.200	2.730	6.006.000	5.670	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH
20	Tam bông vệ sinh búi (không dệt trung)	Tam bông vệ sinh búi (không dệt trung)	N01.01.02 0.4698.000 .0010	Tam bông vệ sinh búi (không dệt trung)	- Nguyên liệu: đầu bông được làm từ bông y tế, 100% cotton, hạt nước, không kinh đầu bông, màu trắng, bông 2 đầu. - Kích thước: que dài 7,5cm. - Không dệt trung. - Không cần quang, sợi chắc, mịn, không nứt, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất lọ màu trắng. - Tỷ lệ độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	2743PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	100 que (củi) gói	Gói	150	4.410	661.500	7.938	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH
21	Gec miếng 5x7,5cm (8 lớp) chưa dệt trung	Gec y tế 5cm x 7,5cm x 8 lớp (không dệt trung)	N02.03.02 0.4698.000 .0114	Gec y tế 5cm x 7,5cm x 8 lớp (không dệt trung)	Gec y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. - Không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không nứt, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất lọ màu trắng. - Kích thước: 0,07m x 2,5m - Mật độ sợi: Sợi dọc 95 ± 5 sợi/10cm, Sợi ngang 75 ± 80 sợi/10cm - Tỷ lệ độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Không cần quang, không dệt trung. - Kích thước: 5cm x 7,5cm x 8 lớp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	237PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	100 miếng/ gói	Miếng	150.000	315	47.250.000	756	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH
22	Băng cuộn vải 7cm x 2,5m	Băng cuộn y tế 0,07m x 2,5m	N02.01.04 0.4698.000 .0007	Băng cuộn y tế 0,07m x 2,5m	Băng cuộn y tế được làm từ Gec y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. - Không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không nứt, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất lọ màu trắng. - Kích thước: 0,07m x 2,5m - Mật độ sợi: Sợi dọc 95 ± 5 sợi/10cm, Sợi ngang 75 ± 80 sợi/10cm - Tỷ lệ độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Không cần quang, không dệt trung. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	27PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	05 cuộn/ gói	Cuộn	8.000	1.575	12.600.000	3.024	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH
23	Gec băng (8 lớp), có dây cột 40cm x 25 cm không dệt trung, đóng	Gec phân thuật 25cm x 40cm x 8 lớp (có cần quang, không dệt trung), M	N02.03.02 0.4698.000 .0399	Gec phân thuật 25cm x 40cm x 8 lớp (có cần quang, không dệt trung), M	Gec y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. - Không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không nứt, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất lọ màu trắng. - Trọng lượng: 26g/m ² ± 5% - Mật độ sợi: Sợi dọc 95 ± 5 sợi/10cm, Sợi ngang 75 ± 80 sợi/10cm - Tỷ lệ độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Không cần quang, không dệt trung. - Kích thước: 25cm x 40cm x 8 lớp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	2414PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	50 miếng/ gói	Miếng	40.000	6.510	260.400.000	12.285	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BẢO THÁCH

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hoá thực (Tên thương mã)	Mã VTYT theo Quyết Định số 5806/QĐ-ĐYT ĐT	Tên VTYT theo Quyết Định số 5806/QĐ-ĐYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Chứng, Ký mã nhập sản phẩm)	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong nhà	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Nhiệm định số 07/2023 /NB-CP	Tên nhà sản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
31	Bông bông y tế dầu nước	Bông y tế không tuyệt trùng	1380.01.01 0.4698.000 .0013	Bông y tế không tuyệt trùng	Bông y tế (bông y tế thấm nước) được quấn thành cuộn, chưa tệt trùng. Chất liệu: 100% bông sợi tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. Kích thước: 4cm x 4cm x 17cm (không tệt) - Khả năng hút nước: 2g bông hút không ít hơn 100g nước - Quy cách đóng gói: 500g/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	1380PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	1kg (đóng gói)	Kg	30	147.000	4.410.000	274.050	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH
32	Bông y tế 4cm x 4cm x 17cm	Bông y tế 4cm x 4cm (không tệt trung)	N01.01.01 0.4698.000 .0113	Bông y tế 4cm x 4cm (không tệt trung)	Bông y tế (bông y tế thấm nước) được quấn thành cuộn, chưa tệt trùng. Chất liệu: 100% bông sợi tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. Kích thước: 4cm x 4cm x 17cm (không tệt) - Khả năng hút nước: 2g bông hút không ít hơn 100g nước - Quy cách đóng gói: 500g/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	1242PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	500 gram/ gói	Gói	120	84.000	10.080.000	154.980	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH
33	Bông gạc cấp vết thương 8cm x 17cm (không tệt trung)	Bông gạc cấp vết thương 8cm x 17cm (không tệt trung)	N02.03.02 0.4698.000 .0522	Bông gạc cấp vết thương 8cm x 17cm (không tệt trung)	Bông gạc cấp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp Bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Vải học bên ngoài. 1 lớp Vải học này được làm từ Gạc y tế (Gạc hút nước). - Gạc y tế (Gạc hút) được dệt từ sợi cotton 100% - Bông y tế (bông hút) được dệt từ sợi cotton 100% cotton. - Kích thước: 8cm x 17cm, không tệt trung - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	385PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	10 miếng/ gói	Miếng	180.000	1.155	207.900.000	2.457	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH
34	Bông gòn viên 2 cm	Bông viên (không tệt trung)	N01.01.01 0.4698.000 .0022	Bông viên (không tệt trung)	Bông gòn thành viên, không tệt trung - Chất liệu: làm từ Bông sợi tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Kích thước: 2cm x 2cm x 6cm - Khả năng hút nước: 2g bông hút không ít hơn 100g nước - Quy cách đóng gói: 500g/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	1308PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	500 gram/ gói	Gói	2.000	84.000	168.000.000	154.980	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH
35	Gạc dẫn lưu 2cm x 2cm x 6 lớp (không tệt trung)	Gạc dẫn lưu 2cm x 2cm x 6 lớp (không tệt trung)	N02.03.02 0.4698.000 .0652	Gạc dẫn lưu 2cm x 2cm x 6 lớp (không tệt trung)	Gạc dẫn lưu: - Thành phần nguyên liệu: làm từ Polyurethane và Bông sợi (hoặc Viscose), màu trắng. - Kích thước: 2cm x 2cm x 6cm - Thời gian thấm nước: 30 giây - Khả năng hút nước: 2g bông hút không ít hơn 100g nước - Quy cách đóng gói: 500g/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	581PA	Công ty CP Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	5 miếng/ gói	Miếng	6.000	945	5.670.000	1.390	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ BẢO THẠCH

STT	Tên hàng hoá mô tả	Tên hàng hóa thủ (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quy định của Bộ Y tế 508/QĐ-BYT	Tên VTVT theo Quy định của Bộ Y tế 508/QĐ-BYT	Tổng số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Số/địa). Ký mã liên sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thừa	Thành tiền	Giá niêm yết theo bảng định số 07/2013 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED															
36	Ống nghiệm chứa không chống đông citrate 3,2%, 1,8ml	BD Vacutainer® 9RC 0.109M Plus Blood Collection Tubes	N03.07.07 0.0417.175 .0001	Ống chứa lấy máu chứa không chứa chất chống đông citrate	- Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. - Chất chống đông Sodium citrate 3,2%. - Chất liệu nhựa PP/PET. - Thế tích 1,8ml 13x75mm. - Có ký hiệu V giúp hỗ trợ định hướng vị trí dẫn nhân phụ. - Có vạch chỉ thị hướng máu từ đầu, dung vòng mờ 360. - Ống thiết kế giảm thiểu rủi ro không không. - Nắp thiết kế hai lớp, không có latex - Vỏ khuôn bằng phương pháp chiếu xạ - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE, ISO	363080	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	1000 ống/ thùng	Ổng	800	3.800	3.040.000	4.560	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED
37	Ống nghiệm chứa không EDTA K2 4ml	BD Vacutainer® K2 EDTA (K2E) 72mg Blood Collection Tubes	N03.07.07 0.0417.175 .0021	Ống chứa lấy máu chứa không chứa EDTA (BD Vacutainer® EDTA Tubes)	- Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. - Chất liệu PET. - Chất bổ sung 72mg EDTA K2 dạng phân nhỏ. - Thế tích 4ml 13x75mm. - Có ký hiệu V giúp hỗ trợ định hướng vị trí dẫn nhân phụ. - Số vạch chỉ thị hướng máu từ đầu không có latex. - Vỏ khuôn bằng phương pháp chiếu xạ. - Có vạch chỉ thị thể tích máu cần lấy, cho phép chênh lệch ± 10%. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE, ISO	367861	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	1000 ống/ thùng	Ổng	16.000	2.351	37.616.000	2.821	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED
38	Ống nghiệm chứa không Lithium Heparin 4ml	BD Vacutainer® Lithium Heparin® 75 USP Units Blood Collection Tubes	N03.07.07 0.0417.175 .0005	Ống lấy máu chân không chứa chất chống đông Lithium Heparin®	- Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. - Chất liệu PET. - Chất bổ sung Lithium Heparin 170U/ml dạng phân nhỏ. - Thế tích 4ml 13x75mm. - Có ký hiệu V giúp hỗ trợ định hướng vị trí dẫn nhân phụ. - Nắp thiết kế hai lớp, không có latex. - Vỏ khuôn bằng phương pháp chiếu xạ. - Có vạch chỉ thị thể tích máu cần lấy, cho phép chênh lệch ± 10%. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE, ISO	367884	Becton, Dickinson and Company (BD)	Mỹ	1000 ống/ thùng	Ổng	16.000	3.265	52.240.000	3.918	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED
39	Kim lấy máu để trung có 22G	BD Vacutainer® Flashback Blood Collection Needle	N83.02.06 0.0420.257 .0001	Kim lấy máu chân không hai đầu để trung	- Kim lấy máu chân không để trung dạng flashback. - Chất liệu thép không gỉ. - Kim phủ silicone 1 inch. - Vỏ khuôn bằng phương pháp chiếu xạ. - Có hướng trong suốt flashback giúp xác định vị trí kim trong lòng mạch. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	301747	Becton Dickinson Medical (S) Pte Ltd.	Singapore	1000 cái/ thùng	cái	16.000	5.500	88.000.000	6.600	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED



STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên khác của dự thầu (Tên hàng mặt)	M&E VVT theo Quyết định số 506/QĐ-BYT BYT	Tên VVT theo Quyết định số 506/QĐ-BYT BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chung loại (Model) - Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong thầu	Thành tiền	Giá năm 2023 bước đầu thực hiện mã 072023 /NB-CP	Tên nhà thầu
40	Kim bơm lấy máu có 23G có lưỡi	BD Venuliner® Safety-Lab™ Blood Collection Set	NB03.02.02 Kim bơm lấy máu 0.3279.232 (chân không có 23G) mặt .0001		- Kim bơm lấy máu chân không, vô trùng. - Chất liệu: thép không gỉ. - Kim phủ silicone. - Chiều dài kim 0.7 inches. - Bơm đẩy dài 12 inches. - Có khóa an toàn safety - để ngăn ngừa giọt máu về đầu kim. - Kích thước cơ thể an toàn bằng một tay. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE, ISO	367283	Nippon Medical Industries Ltd	Nhật Bản	200 cái/đóng	cái	800	18.462	14.769.600	22.154	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED
41	Holder xả tung nhiều lần	BD Venuliner® Pneumatic Quick Release Needle Holder	NB03.00.00 Holder xả tung 0.3279.232 .0001		- Holder kết nối giữa ống nghiệm chân không và các loại kim lấy máu chân không. - Sử dụng nhiều lần. - Có nhiều màu khác nhau. - Đầu có bơm đẩy tương thích với tất cả các kim bơm máu và kim bơm lấy máu chân không. - Có nút bơm đẩy kim an toàn. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE, ISO	368872	Nippon Medical Industries Ltd	Nhật Bản	100 cái/đóng	cái	1.000	23.319	23.319.000	27.983	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED
42	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 bóng	Disocath	NP4.04.01 Adult: Y Needle 0.4901.135 .0006		- Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 bóng. - Chiều dài (140-160) (62-64) (in). - Catheter có 77cm Hg, chất liệu polyurethane cấu trúc đặc biệt, đầu 15mm/20mm, trong suốt và không gây dị ứng máu. - Đầu đục (Quincke) bằng thép không gỉ với 60 micron, đầu 1 inch hoặc đầu 1/2 inch catheter mũi xanh, 0.035" x 30. - Kim Y đầu đóng (18G, 20G, 22G, 24G, 26G, 28G, 30G, 32G, 34G, 36G, 38G, 40G, 42G, 44G, 46G, 48G, 50G, 52G, 54G, 56G, 58G, 60G, 62G, 64G, 66G, 68G, 70G, 72G, 74G, 76G, 78G, 80G, 82G, 84G, 86G, 88G, 90G, 92G, 94G, 96G, 98G, 100G, 102G, 104G, 106G, 108G, 110G, 112G, 114G, 116G, 118G, 120G, 122G, 124G, 126G, 128G, 130G, 132G, 134G, 136G, 138G, 140G, 142G, 144G, 146G, 148G, 150G, 152G, 154G, 156G, 158G, 160G, 162G, 164G, 166G, 168G, 170G, 172G, 174G, 176G, 178G, 180G, 182G, 184G, 186G, 188G, 190G, 192G, 194G, 196G, 198G, 200G, 202G, 204G, 206G, 208G, 210G, 212G, 214G, 216G, 218G, 220G, 222G, 224G, 226G, 228G, 230G, 232G, 234G, 236G, 238G, 240G, 242G, 244G, 246G, 248G, 250G, 252G, 254G, 256G, 258G, 260G, 262G, 264G, 266G, 268G, 270G, 272G, 274G, 276G, 278G, 280G, 282G, 284G, 286G, 288G, 290G, 292G, 294G, 296G, 298G, 300G, 302G, 304G, 306G, 308G, 310G, 312G, 314G, 316G, 318G, 320G, 322G, 324G, 326G, 328G, 330G, 332G, 334G, 336G, 338G, 340G, 342G, 344G, 346G, 348G, 350G, 352G, 354G, 356G, 358G, 360G, 362G, 364G, 366G, 368G, 370G, 372G, 374G, 376G, 378G, 380G, 382G, 384G, 386G, 388G, 390G, 392G, 394G, 396G, 398G, 400G, 402G, 404G, 406G, 408G, 410G, 412G, 414G, 416G, 418G, 420G, 422G, 424G, 426G, 428G, 430G, 432G, 434G, 436G, 438G, 440G, 442G, 444G, 446G, 448G, 450G, 452G, 454G, 456G, 458G, 460G, 462G, 464G, 466G, 468G, 470G, 472G, 474G, 476G, 478G, 480G, 482G, 484G, 486G, 488G, 490G, 492G, 494G, 496G, 498G, 500G, 502G, 504G, 506G, 508G, 510G, 512G, 514G, 516G, 518G, 520G, 522G, 524G, 526G, 528G, 530G, 532G, 534G, 536G, 538G, 540G, 542G, 544G, 546G, 548G, 550G, 552G, 554G, 556G, 558G, 560G, 562G, 564G, 566G, 568G, 570G, 572G, 574G, 576G, 578G, 580G, 582G, 584G, 586G, 588G, 590G, 592G, 594G, 596G, 598G, 600G, 602G, 604G, 606G, 608G, 610G, 612G, 614G, 616G, 618G, 620G, 622G, 624G, 626G, 628G, 630G, 632G, 634G, 636G, 638G, 640G, 642G, 644G, 646G, 648G, 650G, 652G, 654G, 656G, 658G, 660G, 662G, 664G, 666G, 668G, 670G, 672G, 674G, 676G, 678G, 680G, 682G, 684G, 686G, 688G, 690G, 692G, 694G, 696G, 698G, 700G, 702G, 704G, 706G, 708G, 710G, 712G, 714G, 716G, 718G, 720G, 722G, 724G, 726G, 728G, 730G, 732G, 734G, 736G, 738G, 740G, 742G, 744G, 746G, 748G, 750G, 752G, 754G, 756G, 758G, 760G, 762G, 764G, 766G, 768G, 770G, 772G, 774G, 776G, 778G, 780G, 782G, 784G, 786G, 788G, 790G, 792G, 794G, 796G, 798G, 800G, 802G, 804G, 806G, 808G, 810G, 812G, 814G, 816G, 818G, 820G, 822G, 824G, 826G, 828G, 830G, 832G, 834G, 836G, 838G, 840G, 842G, 844G, 846G, 848G, 850G, 852G, 854G, 856G, 858G, 860G, 862G, 864G, 866G, 868G, 870G, 872G, 874G, 876G, 878G, 880G, 882G, 884G, 886G, 888G, 890G, 892G, 894G, 896G, 898G, 900G, 902G, 904G, 906G, 908G, 910G, 912G, 914G, 916G, 918G, 920G, 922G, 924G, 926G, 928G, 930G, 932G, 934G, 936G, 938G, 940G, 942G, 944G, 946G, 948G, 950G, 952G, 954G, 956G, 958G, 960G, 962G, 964G, 966G, 968G, 970G, 972G, 974G, 976G, 978G, 980G, 982G, 984G, 986G, 988G, 990G, 992G, 994G, 996G, 998G, 1000G, 1002G, 1004G, 1006G, 1008G, 1010G, 1012G, 1014G, 1016G, 1018G, 1020G, 1022G, 1024G, 1026G, 1028G, 1030G, 1032G, 1034G, 1036G, 1038G, 1040G, 1042G, 1044G, 1046G, 1048G, 1050G, 1052G, 1054G, 1056G, 1058G, 1060G, 1062G, 1064G, 1066G, 1068G, 1070G, 1072G, 1074G, 1076G, 1078G, 1080G, 1082G, 1084G, 1086G, 1088G, 1090G, 1092G, 1094G, 1096G, 1098G, 1100G, 1102G, 1104G, 1106G, 1108G, 1110G, 1112G, 1114G, 1116G, 1118G, 1120G, 1122G, 1124G, 1126G, 1128G, 1130G, 1132G, 1134G, 1136G, 1138G, 1140G, 1142G, 1144G, 1146G, 1148G, 1150G, 1152G, 1154G, 1156G, 1158G, 1160G, 1162G, 1164G, 1166G, 1168G, 1170G, 1172G, 1174G, 1176G, 1178G, 1180G, 1182G, 1184G, 1186G, 1188G, 1190G, 1192G, 1194G, 1196G, 1198G, 1200G, 1202G, 1204G, 1206G, 1208G, 1210G, 1212G, 1214G, 1216G, 1218G, 1220G, 1222G, 1224G, 1226G, 1228G, 1230G, 1232G, 1234G, 1236G, 1238G, 1240G, 1242G, 1244G, 1246G, 1248G, 1250G, 1252G, 1254G, 1256G, 1258G, 1260G, 1262G, 1264G, 1266G, 1268G, 1270G, 1272G, 1274G, 1276G, 1278G, 1280G, 1282G, 1284G, 1286G, 1288G, 1290G, 1292G, 1294G, 1296G, 1298G, 1300G, 1302G, 1304G, 1306G, 1308G, 1310G, 1312G, 1314G, 1316G, 1318G, 1320G, 1322G, 1324G, 1326G, 1328G, 1330G, 1332G, 1334G, 1336G, 1338G, 1340G, 1342G, 1344G, 1346G, 1348G, 1350G, 1352G, 1354G, 1356G, 1358G, 1360G, 1362G, 1364G, 1366G, 1368G, 1370G, 1372G, 1374G, 1376G, 1378G, 1380G, 1382G, 1384G, 1386G, 1388G, 1390G, 1392G, 1394G, 1396G, 1398G, 1400G, 1402G, 1404G, 1406G, 1408G, 1410G, 1412G, 1414G, 1416G, 1418G, 1420G, 1422G, 1424G, 1426G, 1428G, 1430G, 1432G, 1434G, 1436G, 1438G, 1440G, 1442G, 1444G, 1446G, 1448G, 1450G, 1452G, 1454G, 1456G, 1458G, 1460G, 1462G, 1464G, 1466G, 1468G, 1470G, 1472G, 1474G, 1476G, 1478G, 1480G, 1482G, 1484G, 1486G, 1488G, 1490G, 1492G, 1494G, 1496G, 1498G, 1500G, 1502G, 1504G, 1506G, 1508G, 1510G, 1512G, 1514G, 1516G, 1518G, 1520G, 1522G, 1524G, 1526G, 1528G, 1530G, 1532G, 1534G, 1536G, 1538G, 1540G, 1542G, 1544G, 1546G, 1548G, 1550G, 1552G, 1554G, 1556G, 1558G, 1560G, 1562G, 1564G, 1566G, 1568G, 1570G, 1572G, 1574G, 1576G, 1578G, 1580G, 1582G, 1584G, 1586G, 1588G, 1590G, 1592G, 1594G, 1596G, 1598G, 1600G, 1602G, 1604G, 1606G, 1608G, 1610G, 1612G, 1614G, 1616G, 1618G, 1620G, 1622G, 1624G, 1626G, 1628G, 1630G, 1632G, 1634G, 1636G, 1638G, 1640G, 1642G, 1644G, 1646G, 1648G, 1650G, 1652G, 1654G, 1656G, 1658G, 1660G, 1662G, 1664G, 1666G, 1668G, 1670G, 1672G, 1674G, 1676G, 1678G, 1680G, 1682G, 1684G, 1686G, 1688G, 1690G, 1692G, 1694G, 1696G, 1698G, 1700G, 1702G, 1704G, 1706G, 1708G, 1710G, 1712G, 1714G, 1716G, 1718G, 1720G, 1722G, 1724G, 1726G, 1728G, 1730G, 1732G, 1734G, 1736G, 1738G, 1740G, 1742G, 1744G, 1746G, 1748G, 1750G, 1752G, 1754G, 1756G, 1758G, 1760G, 1762G, 1764G, 1766G, 1768G, 1770G, 1772G, 1774G, 1776G, 1778G, 1780G, 1782G, 1784G, 1786G, 1788G, 1790G, 1792G, 1794G, 1796G, 1798G, 1800G, 1802G, 1804G, 1806G, 1808G, 1810G, 1812G, 1814G, 1816G, 1818G, 1820G, 1822G, 1824G, 1826G, 1828G, 1830G, 1832G, 1834G, 1836G, 1838G, 1840G, 1842G, 1844G, 1846G, 1848G, 1850G, 1852G, 1854G, 1856G, 1858G, 1860G, 1862G, 1864G, 1866G, 1868G, 1870G, 1872G, 1874G, 1876G, 1878G, 1880G, 1882G, 1884G, 1886G, 1888G, 1890G, 1892G, 1894G, 1896G, 1898G, 1900G, 1902G, 1904G, 1906G, 1908G, 1910G, 1912G, 1914G, 1916G, 1918G, 1920G, 1922G, 1924G, 1926G, 1928G, 1930G, 1932G, 1934G, 1936G, 1938G, 1940G, 1942G, 1944G, 1946G, 1948G, 1950G, 1952G, 1954G, 1956G, 1958G, 1960G, 1962G, 1964G, 1966G, 1968G, 1970G, 1972G, 1974G, 1976G, 1978G, 1980G, 1982G, 1984G, 1986G, 1988G, 1990G, 1992G, 1994G, 1996G, 1998G, 2000G, 2002G, 2004G, 2006G, 2008G, 2010G, 2012G, 2014G, 2016G, 2018G, 2020G, 2022G, 2024G, 2026G, 2028G, 2030G, 2032G, 2034G, 2036G, 2038G, 2040G, 2042G, 2044G, 2046G, 2048G, 2050G, 2052G, 2054G, 2056G, 2058G, 2060G, 2062G, 2064G, 2066G, 2068G, 2070G, 2072G, 2074G, 2076G, 2078G, 2080G, 2082G, 2084G, 2086G, 2088G, 2090G, 2092G, 2094G, 2096G, 2098G, 2100G, 2102G, 2104G, 2106G, 2108G, 2110G, 2112G, 2114G, 2116G, 2118G, 2120G, 2122G, 2124G, 2126G, 2128G, 2130G, 2132G, 2134G, 2136G, 2138G, 2140G, 2142G, 2144G, 2146G, 2148G, 2150G, 2152G, 2154G, 2156G, 2158G, 2160G, 2162G, 2164G, 2166G, 2168G, 2170G, 2172G, 2174G, 2176G, 2178G, 2180G, 2182G, 2184G, 2186G, 2188G, 2190G, 2192G, 2194G, 2196G, 2198G, 2200G, 2202G, 2204G, 2206G, 2208G, 2210G, 2212G, 2214G, 2216G, 2218G, 2220G, 2222G, 2224G, 2226G, 2228G, 2230G, 2232G, 2234G, 2236G, 2238G, 2240G, 2242G, 2244G, 2246G, 2248G, 2250G, 2252G, 2254G, 2256G, 2258G, 2260G, 2262G, 2264G, 2266G, 2268G, 2270G, 2272G, 2274G, 2276G, 2278G, 2280G, 2282G, 2284G, 2286G, 2288G, 2290G, 2292G, 2294G, 2296G, 2298G, 2300G, 2302G, 2304G, 2306G, 2308G, 2310G, 2312G, 2314G, 2316G, 2318G, 2320G, 2322G, 2324G, 2326G, 2328G, 2330G, 2332G, 2334G, 2336G, 2338G, 2340G, 2342G, 2344G, 2346G, 2348G, 2350G, 2352G, 2354G, 2356G, 2358G, 2360G, 2362G, 2364G, 2366G, 2368G, 2370G, 2372G, 2374G, 2376G, 2378G, 2380G, 2382G, 2384G, 2386G, 2388G, 2390G, 2392G, 2394G, 2396G, 2398G, 2400G, 2402G, 2404G, 2406G, 2408G, 2410G, 2412G, 2414G, 2416G, 2418G, 2420G, 2422G, 2424G, 2426G, 2428G, 2430G, 2432G, 2434G, 2436G, 2438G, 2440G, 2442G, 2444G, 2446G, 2448G, 2450G, 2452G, 2454G, 2456G, 2458G, 2460G, 2462G, 2464G, 2466G, 2468G, 2470G, 2472G, 2474G, 2476G, 2478G, 2480G, 2482G, 2484G, 2486G, 2488G, 2490G, 2492G, 2494G, 2496G, 2498G, 2500G, 2502G, 2504G, 2506G, 2508G, 2510G, 2512G, 2514G, 2516G, 2518G, 2520G, 2522G, 2524G, 2526G, 2528G, 2530G, 2532G, 2534G, 2536G, 2538G, 2540G, 2542G, 2544G, 2546G, 2548G, 2550G, 2552G, 2554G, 2556G, 2558G, 2560G, 2562G, 2564G, 2566G, 2568G, 2570G, 2572G, 2574G, 2576G, 2578G, 2580G, 2582G, 2584G, 2586G, 2588G, 2590G, 2592G, 2594G, 2596G, 2598G, 2600G, 2602G, 2604G, 2606G, 2608G, 2610G, 2612G, 2614G, 2616G, 2618G, 2620G, 2622G, 2624G, 2626G, 2628G, 2630G, 2632G, 2634G, 2636G, 2638G, 2640G, 2642G, 2644G, 2646G, 2648G, 2650G, 2652G, 2654G, 2656G, 2658G, 2660G, 2662G, 2664G, 2666G, 2668G, 2670G, 2672G, 2674G, 2676G, 2678G, 2680G, 2682G, 2684G, 2686G, 2688G, 2690G, 2692G, 2694G, 2696G, 2698G, 2700G, 2702G, 2704G, 2706G, 2708G, 2710G, 2712G, 2714G, 2716G, 2718G, 2720G, 2722G, 2724G, 2726G, 2728G, 2730G, 2732G, 2734G, 2736G, 2738G, 2740G, 2742G, 2744G, 2746G, 2748G, 2750G, 2752G, 2754G, 2756G, 2758G, 2760G, 2762G, 2764G, 2766G, 2768G, 2770G, 2772G, 2774G, 2776G, 2778G, 2780G, 2782G, 2784G, 2786G, 2788G, 2790G, 2792G, 2794G, 2796G, 2798G, 2800G, 2802G, 2804G, 2806G, 2808G, 2810G, 2812G, 2814G, 2816G, 2818G, 2820G, 2822G, 2824G, 2826G, 2828G, 2830G, 2832G, 2834G, 2836G, 2838G, 2840G, 2842G, 2844G, 2846G, 2848G, 2850G, 2852G, 2854G, 2856G, 2858G, 2860G, 2862G, 2864G, 2866G, 2868G, 2870G, 2872G, 2874G, 2876G, 2878G, 2880G, 2882G, 2884G, 2886G, 2888G, 2890G, 2892G, 2894G, 2896G, 2898G, 2900G, 2902G, 2904G, 2906G, 2908G, 2910G, 2912G, 2914G, 2916G, 2918G, 2920G, 2922G, 2924G, 2926G, 2928G, 2930G, 2932G, 2934G, 2936G, 2938G, 2940G, 2942G, 2944G, 2946G, 2948G, 2950G, 2952G, 2954G, 2956G, 2958G, 2960G, 2962G, 2964G, 2966G, 2968G, 2970G, 2972G, 2974G, 2976G, 2978G, 2980G, 2982G, 2984G, 2986G, 2988G, 2990G, 2992G, 2994G, 2996G, 2998G, 3000G, 3002G, 3004G, 3006G, 3008G, 3010G, 3012G, 3014G, 3016G, 3018G, 3020G, 3022G, 3024G, 3026G, 3028G, 3030G, 3032G, 3034G, 3036G, 3038G, 3040G, 3042G, 3044G, 3046G, 3048G, 3050G, 3052G, 3054G, 3056G, 3058G, 3060G, 3062G, 3064G, 3066G, 3068G, 3070G, 3072G, 3074G, 3076G, 3078G, 3080G, 3082G, 3084G, 3086G, 3088G, 3090G, 3092G, 3094G, 3096G, 3098G, 3100G, 3102G, 3104G, 3106G, 3108G, 3110G, 3112G, 3114G, 3116G, 3118G, 3120G, 3122G, 3124G, 3126G, 3128G, 3130G, 3132G, 3134G, 3136G, 3138G, 3140G, 3142G, 3144G, 3146G, 3148G, 3150G, 3152G, 3154G, 3156G, 3158G, 3160G, 3162G, 3164G, 3166G, 3168G, 3170G, 3172G, 3174G, 3176G, 3178G, 3180G, 3182G, 3184G, 3186G, 3188G, 3190G, 3192G, 3194G, 3196G, 3198G, 3200G, 3202G, 3204G, 3206G, 3208G, 3210G, 3212G, 3214G, 3216G, 3218G, 3220G, 3222G, 3224G, 3226G, 3228G, 3230G, 3232G, 3234G, 3236G, 3238G, 3240G, 3242G, 3244G, 3246G, 3248G, 3250G, 3252G, 3254G, 3256G, 3258G, 3260G, 3262G, 3264G, 3266G, 3268G, 3270G, 3272G, 3274G, 3276G, 3278G, 3280G, 3282G, 3284G, 3286G, 3288G, 3290G, 3292G, 3294G, 3296G, 3298G, 3300G, 3302G, 3304G, 3306G, 3308G, 3310G, 3312G, 3314G, 3316G, 3318G, 3320G, 3322G, 3324G, 3326G, 3328G, 3330G, 3332G, 3334G, 3336G, 3338G, 3340G, 3342G, 3344G, 3346G, 3348G, 3350G, 3352G, 3354G, 3356G, 3358G, 3360G, 3362G, 3364G, 3366G, 3368G, 337										

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hoá thủ (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết định số 5886/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 5886/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính trên đơn vị	Thành tiền	Giá niêm yết theo không phân biệt năm 2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
45	Khóa 3 ngà có dây dài 100cm	Khóa 3 ngà Gliflexo có dây nối 100cm	N03.05.01 0.2260.115 .0007	Khóa 3 ngà Gliflexo có dây nối 100cm	- Khóa 3 ngà có dây giúp giảm bớt các thao tác trong truyền thuốc, bề mặt dây trên trụ giúp dễ dàng tháo lắp. - Khóa 3 ngà làm bằng vật liệu Polycarbonate - Có thể chịu được áp lực đến 5kg. - Khóa xoay 360 độ không giới hạn. Dây chày sẽ ngắt sau mỗi 90 độ. Không cần lắp. Có dấu mũi tên chỉ hướng đóng chày - Dây dài 100cm, đường kính trong 3.3mm ± 0.05mm, đường kính ngoài 4.5mm ± 0.05mm. Tốc độ đóng 360m/phút ± 10%. - Tải trọng 8.2N - Sử dụng 1 lần, vô trùng, không pyrogenic. - TCCL: ISO	4271003G	Global Medikit Limited	Ấn Độ	Cu/ Gói	Cái	6.000	7.329	43.974.000	8.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
46	Khóa 3 ngà có dây dài 25cm	Khóa 3 ngà Gliflexo có dây nối 25cm	N03.05.01 0.2260.115 .0004	Khóa 3 ngà Gliflexo có dây nối 25cm	- Khóa 3 ngà có dây giúp giảm bớt các thao tác trong truyền thuốc, bề mặt dây trên trụ giúp dễ dàng tháo lắp. - Khóa 3 ngà làm bằng vật liệu Polycarbonate - Có thể chịu được áp lực đến 5kg. - Khóa xoay 360 độ không giới hạn. Dây chày sẽ ngắt sau mỗi 90 độ. Không cần lắp. Có dấu mũi tên chỉ hướng đóng chày - Dây dài 25cm, đường kính trong 3.3mm ± 0.05mm, đường kính ngoài 4.5mm ± 0.05mm. Tốc độ đóng 360m/phút ± 10%. - Tải trọng 8.2N - Sử dụng 1 lần, vô trùng, không pyrogenic. - TCCL: ISO	4270253G	Global Medikit Limited	Ấn Độ	Cu/ Gói	Cái	30.000	5.859	175.770.000	8.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
47	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 20	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 20	N03.02.07 0.5799.115 .0001	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 20	- Kim vật liệu thép không gỉ SS304, kim 3 mặt vật giảm chấn thương. - Character vật liệu FEP có vết cán quang tia X. Mềm và chống gấp khúc. - Công tắc có van silicon 1 chiều và nắp có màng. Dùng tiêm thuốc không liên tục và an toàn trong khi tiêm truyền - Chất polypropylen mềm - Không chứa trong suốt để dễ dàng quan sát lấy máu trở lại. - Nắp khóa Luer để đóng đầu gần của ống thông sau khi rút kim. - Kích cỡ: 20G (ID=0.8, OD=1.1, L=32mm), tốc độ dòng chảy 34ml/min - Đóng gói tiệt trùng EO. Không DEHP (Phthalate), không latex - TCCL: ISO	20G	NUBENO HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Cu/ Gói	Cái	20.000	2.184	43.680.000	3.499	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
48	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 22	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 22	N03.02.07 0.5799.115 .0001	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 22	- Kim vật liệu thép không gỉ SS304, kim 3 mặt vật giảm chấn thương. - Character vật liệu FEP có vết cán quang tia X. Mềm và chống gấp khúc. - Công tắc có van silicon 1 chiều và nắp có màng. Dùng tiêm thuốc không liên tục và an toàn trong khi tiêm truyền - Chất polypropylen mềm - Không chứa trong suốt để dễ dàng quan sát lấy máu trở lại. - Nắp khóa Luer để đóng đầu gần của ống thông sau khi rút kim. - Kích cỡ: 22G (ID=0.6, OD=0.9, L=25mm), tốc độ dòng chảy 33ml/min - Đóng gói tiệt trùng EO. Không DEHP, không latex - TCCL: ISO	22G	NUBENO HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Cu/ Gói	Cái	45.000	2.184	98.280.000	3.499	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
49	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 24	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 24	N03.02.07 0.5799.115 .0001	Kim tiêm tĩnh mạch có cánh có công tắc số 24	- Kim vật liệu thép không gỉ SS304, kim 3 mặt vật giảm chấn thương. - Character vật liệu FEP có vết cán quang tia X. Mềm và chống gấp khúc (toàn). - Công tắc có van silicon 1 chiều và nắp có màng. Dùng tiêm thuốc không liên tục và an toàn trong khi tiêm truyền - Chất polypropylen mềm - Không chứa trong suốt để dễ dàng quan sát lấy máu trở lại. - Nắp khóa Luer để đóng đầu gần của ống thông sau khi rút kim. - Kích cỡ: 24G (ID=0.5, OD=0.7, L=19mm), tốc độ dòng chảy 20ml/min - Đóng gói tiệt trùng EO. Không DEHP, không latex - TCCL: ISO	24G	NUBENO HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Cu/ Gói	Cái	10.000	2.184	21.840.000	3.499	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN

STT	Tên hàng hóa mặt tiêu	Tên hàng hóa dự thầu (Tên thương mại)	Mã VTTT theo Quyết định số 508/QĐ-BYT	Tên VTTT theo Quyết định số 508/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (tiêu chuẩn) Kỹ thuật sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng tính	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023 NĐ-CP	Tên nhà thầu
49			49	49		49	49	49	49	49	49	49	49	49	49
50	Kim hoàn số 26	Kim hoàn tinh mạch có cánh có đồng trên nước các số	N03.02.07 0.5799.115 .0001	Kim hoàn tinh mạch có cánh có đồng trên nước các số	Kim hoàn số 26	26G	NUBERO HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	200	2.184	436.800	3.499	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
51	Nút chặn kim huyền	Nút chặn kim huyền có đồng trên Insoloper	N03.02.09 0.2260.115 .0001	Nút chặn kim huyền có đồng trên Insoloper	Nút chặn kim huyền tích hợp van 1 chiều từ đồng trên cho phép đưa thuốc vào ống thông mà không cần vấn - Loại lace - TCCL: ISO	41200120	Global Medical Limited	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	100.000	1.470	147.000.000	2.100	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
52	Kim phá thuốc N03.02.07 0.2403.115 20G * 1/2 hoặc 30G * 1/2	Kim trên thuốc Dispovan các số	N03.02.08 0.2403.115 .0004	Kim trên thuốc Dispovan các số	Kim phá thuốc 18G * 1/2 hoặc 20G * 1/2	18G, 20G	Hindostar Syringa & Medical Devices Ltd.	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	240.000	378	90.720.000	630	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
53	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số 1/2	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số	N03.03.01 0.0083.174 .0001	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số	- Kích cỡ: có 25G - 27G, dài 90mm. - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Vì vậy kim không độc hại, không gây sẹo. - Kim bằng thép không gỉ không độc hại, không gây sẹo. - Kim bằng thép không gỉ không độc hại, không gây sẹo. - Đầu kim và kim "Quick" 3 mặt mũi nhọn sắc bén. - Cán (Polypropylene) dẻo, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm nắm chắc hơn. - Cán (Polypropylene) dẻo, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm nắm chắc hơn. - TCCL: ISO	25G, 27G	Tec-Chung Industrial Co., Ltd	Hàn Quốc	Củ/Gói	Củ	2.000	17.829	35.658.000	26.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
54	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số 22G * 1/2	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số	N03.03.01 0.0083.174 .0001	Kim chọc dò, gây tổn thương có cánh cân kim chọc và bơm thuốc các số	- Kích cỡ: có 18G - 20G - 21G, dài 90mm. - Chất liệu: kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Vì vậy kim không độc hại, không gây sẹo. - Kim bằng thép không gỉ không độc hại, không gây sẹo. - Đầu kim và kim "Quick" 3 mặt mũi nhọn sắc bén. - Cán (Polypropylene) dẻo, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm nắm chắc hơn. - Cán (Polypropylene) dẻo, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm nắm chắc hơn. - TCCL: ISO	18G, 20G, 22G	Tec-Chung Industrial Co., Ltd	Hàn Quốc	Củ/Gói	Củ	650	17.829	11.588.850	26.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
55	Ống thông hậu môn các số	Ống thông hậu môn (rectal catheter) các số	N04.04.01 0.3967.115 .0001	Ống thông hậu môn (rectal catheter) các số	Kích cỡ: 16F - 28F - Bằng nhựa PVC chuyên y tế, đầu ống bọc trơn để thuận - TCCL: ISO	SMD 605	Stemmed Supplies India Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	1.080	7.329	7.913.320	8.400	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
56	Ống thông tiểu 2 nhánh (đồng) bằng 3mm các số (16, 14, 16, 18, 20, 22)	Ống thông tiểu đồng 2 nhánh, phủ silicone số 12- 26F	N04.01.09 0.3967.115 .0006	Ống thông tiểu đồng 2 nhánh, phủ silicone số 12-26F	Kích cỡ: ống có CH 12 - CH 22, tổng 30cm, chiều dài 40-42cm (đồng ± 10%) - Ống làm bằng cao su thiên nhiên đã được lưu hóa, trung và ngoài thân latex được bọc một lớp silicone (tùy màu vàng, trắng hoặc hồng 30cm; bề mặt ống thông nhẵn bóng và mềm dẻo. - Đóng gói và vận chuyển (vỏ trung-thể) từng cái. - TCCL: ISO	SMD-500- 20WAT	Stemmed Supplies India Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	8.080	10.479	84.670.320	21.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
57	Ống thông tiểu 3 nhánh (đồng) bằng 3mm các số (14, 20, 22)	Ống thông đường tiểu (đồng) 3 nhánh, phủ silicone các số 14-26F	N04.01.09 0.3967.115 .0009	Ống thông đường tiểu (đồng) 3 nhánh, phủ silicone các số 14-26F	Kích cỡ: ống có CH 18 - CH 24, tổng 30cm - Ống làm bằng cao su thiên nhiên đã được lưu hóa, chiều dài 40-42cm (đồng ± 10%), dùng tích bóng 30cm bề mặt ống thông nhẵn bóng và mềm dẻo, đóng gói và vận chuyển (vỏ trung-thể) từng cái. - TCCL: ISO	SMD-501- 30WAT	Stemmed Supplies India Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Củ/Gói	Củ	180	17.829	3.209.220	27.300	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN

STT	Tên hàng hóa mô tả	Tên hàng hóa thảo (tên thương mại)	Mã theo Quyết Định số 5986/QĐ- BYT	Tên VTYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (thông), Ký mã tiêu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng thảo	Thành tiền	Giá niêm yết theo lương dân Nghị định số 07/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
58	Sonde Drain En T các số (ống thông mật, ống dẫn lumen)	Sonde Cath T	N04.01.09 0.3967.115 .0001	Sonde Cath T	Kích cỡ: 20 x 60cm - Có các size 10, 12, 14, 16, 18, 20FG - Được làm từ nhựa PVC, y tế không độc hại, DEHP free - Đóng gói: 1 gói tiệt trùng - TCCL: ISO	SMD-606	Sterimed Surgicals India Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Cái/Gói	Cái	60	21.000	1.260.000	29.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
59	Ống thông niệu quản các số	Thông niệu quản Nelson các số 55, 60F, 74F dài 70cm	N04.01.09 0.3503.272 .0003	Thông niệu quản Nelson các số 55, 60F, 74F dài 70cm	Catheter vật liệu PU(polyurethane) đầu mềm. Đầu catheter góc cạnh cho phép catheter dễ đi qua bàng quang tiểu tiện. Đầu catheter tròn mềm để chèn - Có các size 55, 60, 65, 70, 74F dài 70cm - Tê mê EO (Sterile EO) - TCCL: ISO	537 003 537 014 537 013	Plant-med Plastik Medical Ordnier Snaay ve Tiscart Limited Siketi	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái/Gói	Cái	50	199.500	9.975.000	273.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
60	Ống thông tiểu Nelson các số	Ống thông tiểu 1 Nelson (Sonde Nelson) có van hóa mật, các số	N04.01.09 0.4059.296 .0002	Ống thông tiểu 1 Nelson (Sonde Nelson) có van hóa mật, các số	Ống thông tiểu bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng thủy nhiệt. Chiều dài 40cm - Size 6F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F, 18F, 20F, 22F, 24F - Tiệt trùng EO - TCCL: ISO	Amex	Symphon Medical Technology Co., Ltd.	Đài Loan	Cái/Gói	Cái	400	5.229	2.091.600	7.350	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
61	Ống hút đầu có kiểm soát các số	Dây hút đầu, dịch Cemifsoft có van kiểm soát, các số	N04.02.06 0.4059.296 .0007	Dây hút đầu, dịch Cemifsoft có van kiểm soát, các số	Vật liệu PVC, không base, không DEHP. Catheter hút đầu mềm và đầu cứng để hút máu và đầu mềm để hút phân tử. - Kích thước: 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40, 42, 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 70, 72, 74, 76, 78, 80, 82, 84, 86, 88, 90, 92, 94, 96, 98, 100, 102, 104, 106, 108, 110, 112, 114, 116, 118, 120, 122, 124, 126, 128, 130, 132, 134, 136, 138, 140, 142, 144, 146, 148, 150, 152, 154, 156, 158, 160, 162, 164, 166, 168, 170, 172, 174, 176, 178, 180, 182, 184, 186, 188, 190, 192, 194, 196, 198, 200, 202, 204, 206, 208, 210, 212, 214, 216, 218, 220, 222, 224, 226, 228, 230, 232, 234, 236, 238, 240, 242, 244, 246, 248, 250, 252, 254, 256, 258, 260, 262, 264, 266, 268, 270, 272, 274, 276, 278, 280, 282, 284, 286, 288, 290, 292, 294, 296, 298, 300, 302, 304, 306, 308, 310, 312, 314, 316, 318, 320, 322, 324, 326, 328, 330, 332, 334, 336, 338, 340, 342, 344, 346, 348, 350, 352, 354, 356, 358, 360, 362, 364, 366, 368, 370, 372, 374, 376, 378, 380, 382, 384, 386, 388, 390, 392, 394, 396, 398, 400, 402, 404, 406, 408, 410, 412, 414, 416, 418, 420, 422, 424, 426, 428, 430, 432, 434, 436, 438, 440, 442, 444, 446, 448, 450, 452, 454, 456, 458, 460, 462, 464, 466, 468, 470, 472, 474, 476, 478, 480, 482, 484, 486, 488, 490, 492, 494, 496, 498, 500, 502, 504, 506, 508, 510, 512, 514, 516, 518, 520, 522, 524, 526, 528, 530, 532, 534, 536, 538, 540, 542, 544, 546, 548, 550, 552, 554, 556, 558, 560, 562, 564, 566, 568, 570, 572, 574, 576, 578, 580, 582, 584, 586, 588, 590, 592, 594, 596, 598, 600, 602, 604, 606, 608, 610, 612, 614, 616, 618, 620, 622, 624, 626, 628, 630, 632, 634, 636, 638, 640, 642, 644, 646, 648, 650, 652, 654, 656, 658, 660, 662, 664, 666, 668, 670, 672, 674, 676, 678, 680, 682, 684, 686, 688, 690, 692, 694, 696, 698, 700, 702, 704, 706, 708, 710, 712, 714, 716, 718, 720, 722, 724, 726, 728, 730, 732, 734, 736, 738, 740, 742, 744, 746, 748, 750, 752, 754, 756, 758, 760, 762, 764, 766, 768, 770, 772, 774, 776, 778, 780, 782, 784, 786, 788, 790, 792, 794, 796, 798, 800, 802, 804, 806, 808, 810, 812, 814, 816, 818, 820, 822, 824, 826, 828, 830, 832, 834, 836, 838, 840, 842, 844, 846, 848, 850, 852, 854, 856, 858, 860, 862, 864, 866, 868, 870, 872, 874, 876, 878, 880, 882, 884, 886, 888, 890, 892, 894, 896, 898, 900, 902, 904, 906, 908, 910, 912, 914, 916, 918, 920, 922, 924, 926, 928, 930, 932, 934, 936, 938, 940, 942, 944, 946, 948, 950, 952, 954, 956, 958, 960, 962, 964, 966, 968, 970, 972, 974, 976, 978, 980, 982, 984, 986, 988, 990, 992, 994, 996, 998, 1000, 1002, 1004, 1006, 1008, 1010, 1012, 1014, 1016, 1018, 1020, 1022, 1024, 1026, 1028, 1030, 1032, 1034, 1036, 1038, 1040, 1042, 1044, 1046, 1048, 1050, 1052, 1054, 1056, 1058, 1060, 1062, 1064, 1066, 1068, 1070, 1072, 1074, 1076, 1078, 1080, 1082, 1084, 1086, 1088, 1090, 1092, 1094, 1096, 1098, 1100, 1102, 1104, 1106, 1108, 1110, 1112, 1114, 1116, 1118, 1120, 1122, 1124, 1126, 1128, 1130, 1132, 1134, 1136, 1138, 1140, 1142, 1144, 1146, 1148, 1150, 1152, 1154, 1156, 1158, 1160, 1162, 1164, 1166, 1168, 1170, 1172, 1174, 1176, 1178, 1180, 1182, 1184, 1186, 1188, 1190, 1192, 1194, 1196, 1198, 1200, 1202, 1204, 1206, 1208, 1210, 1212, 1214, 1216, 1218, 1220, 1222, 1224, 1226, 1228, 1230, 1232, 1234, 1236, 1238, 1240, 1242, 1244, 1246, 1248, 1250, 1252, 1254, 1256, 1258, 1260, 1262, 1264, 1266, 1268, 1270, 1272, 1274, 1276, 1278, 1280, 1282, 1284, 1286, 1288, 1290, 1292, 1294, 1296, 1298, 1300, 1302, 1304, 1306, 1308, 1310, 1312, 1314, 1316, 1318, 1320, 1322, 1324, 1326, 1328, 1330, 1332, 1334, 1336, 1338, 1340, 1342, 1344, 1346, 1348, 1350, 1352, 1354, 1356, 1358, 1360, 1362, 1364, 1366, 1368, 1370, 1372, 1374, 1376, 1378, 1380, 1382, 1384, 1386, 1388, 1390, 1392, 1394, 1396, 1398, 1400, 1402, 1404, 1406, 1408, 1410, 1412, 1414, 1416, 1418, 1420, 1422, 1424, 1426, 1428, 1430, 1432, 1434, 1436, 1438, 1440, 1442, 1444, 1446, 1448, 1450, 1452, 1454, 1456, 1458, 1460, 1462, 1464, 1466, 1468, 1470, 1472, 1474, 1476, 1478, 1480, 1482, 1484, 1486, 1488, 1490, 1492, 1494, 1496, 1498, 1500, 1502, 1504, 1506, 1508, 1510, 1512, 1514, 1516, 1518, 1520, 1522, 1524, 1526, 1528, 1530, 1532, 1534, 1536, 1538, 1540, 1542, 1544, 1546, 1548, 1550, 1552, 1554, 1556, 1558, 1560, 1562, 1564, 1566, 1568, 1570, 1572, 1574, 1576, 1578, 1580, 1582, 1584, 1586, 1588, 1590, 1592, 1594, 1596, 1598, 1600, 1602, 1604, 1606, 1608, 1610, 1612, 1614, 1616, 1618, 1620, 1622, 1624, 1626, 1628, 1630, 1632, 1634, 1636, 1638, 1640, 1642, 1644, 1646, 1648, 1650, 1652, 1654, 1656, 1658, 1660, 1662, 1664, 1666, 1668, 1670, 1672, 1674, 1676, 1678, 1680, 1682, 1684, 1686, 1688, 1690, 1692, 1694, 1696, 1698, 1700, 1702, 1704, 1706, 1708, 1710, 1712, 1714, 1716, 1718, 1720, 1722, 1724, 1726, 1728, 1730, 1732, 1734, 1736, 1738, 1740, 1742, 1744, 1746, 1748, 1750, 1752, 1754, 1756, 1758, 1760, 1762, 1764, 1766, 1768, 1770, 1772, 1774, 1776, 1778, 1780, 1782, 1784, 1786, 1788, 1790, 1792, 1794, 1796, 1798, 1800, 1802, 1804, 1806, 1808, 1810, 1812, 1814, 1816, 1818, 1820, 1822, 1824, 1826, 1828, 1830, 1832, 1834, 1836, 1838, 1840, 1842, 1844, 1846, 1848, 1850, 1852, 1854, 1856, 1858, 1860, 1862, 1864, 1866, 1868, 1870, 1872, 1874, 1876, 1878, 1880, 1882, 1884, 1886, 1888, 1890, 1892, 1894, 1896, 1898, 1900, 1902, 1904, 1906, 1908, 1910, 1912, 1914, 1916, 1918, 1920, 1922, 1924, 1926, 1928, 1930, 1932, 1934, 1936, 1938, 1940, 1942, 1944, 1946, 1948, 1950, 1952, 1954, 1956, 1958, 1960, 1962, 1964, 1966, 1968, 1970, 1972, 1974, 1976, 1978, 1980, 1982, 1984, 1986, 1988, 1990, 1992, 1994, 1996, 1998, 2000, 2002, 2004, 2006, 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022, 2024, 2026, 2028, 2030, 2032, 2034, 2036, 2038, 2040, 2042, 2044, 2046, 2048, 2050, 2052, 2054, 2056, 2058, 2060, 2062, 2064, 2066, 2068, 2070, 2072, 2074, 2076, 2078, 2080, 2082, 2084, 2086, 2088, 2090, 2092, 2094, 2096, 2098, 2100, 2102, 2104, 2106, 2108, 2110, 2112, 2114, 2116, 2118, 2120, 2122, 2124, 2126, 2128, 2130, 2132, 2134, 2136, 2138, 2140, 2142, 2144, 2146, 2148, 2150, 2152, 2154, 2156, 2158, 2160, 2162, 2164, 2166, 2168, 2170, 2172, 2174, 2176, 2178, 2180, 2182, 2184, 2186, 2188, 2190, 2192, 2194, 2196, 2198, 2200, 2202, 2204, 2206, 2208, 2210, 2212, 2214, 2216, 2218, 2220, 2222, 2224, 2226, 2228, 2230, 2232, 2234, 2236, 2238, 2240, 2242, 2244, 2246, 2248, 2250, 2252, 2254, 2256, 2258, 2260, 2262, 2264, 2266, 2268, 2270, 2272, 2274, 2276, 2278, 2280, 2282, 2284, 2286, 2288, 2290, 2292, 2294, 2296, 2298, 2300, 2302, 2304, 2306, 2308, 2310, 2312, 2314, 2316, 2318, 2320, 2322, 2324, 2326, 2328, 2330, 2332, 2334, 2336, 2338, 2340, 2342, 2344, 2346, 2348, 2350, 2352, 2354, 2356, 2358, 2360, 2362, 2364, 2366, 2368, 2370, 2372, 2374, 2376, 2378, 2380, 2382, 2384, 2386, 2388, 2390, 2392, 2394, 2396, 2398, 2400, 2402, 2404, 2406, 2408, 2410, 2412, 2414, 2416, 2418, 2420, 2422, 2424, 2426, 2428, 2430, 2432, 2434, 2436, 2438, 2440, 2442, 2444, 2446, 2448, 2450, 2452, 2454, 2456, 2458, 2460, 2462, 2464, 2466, 2468, 2470, 2472, 2474, 2476, 2478, 2480, 2482, 2484, 2486, 2488, 2490, 2492, 2494, 2496, 2498, 2500, 2502, 2504, 2506, 2508, 2510, 2512, 2514, 2516, 2518, 2520, 2522, 2524, 2526, 2528, 2530, 2532, 2534, 2536, 2538, 2540, 2542, 2544, 2546, 2548, 2550, 2552, 2554, 2556, 2558, 2560, 2562, 2564, 2566, 2568, 2570, 2572, 2574, 2576, 2578, 2580, 2582, 2584, 2586, 2588, 2590, 2592, 2594, 2596, 2598, 2600, 2602, 2604, 2606, 2608, 2610, 2612, 2614, 2616, 2618, 2620, 2622, 2624, 2626, 2628, 2630, 2632, 2634, 2636, 2638, 2640, 2642, 2644, 2646, 2648, 2650, 2652, 2654, 2656, 2658, 2660, 2662, 2664, 2666, 2668, 2670, 2672, 2674, 2676, 2678, 2680, 2682, 2684, 2686, 2688, 2690, 2692, 2694, 2696, 2698, 2700, 2702, 2704, 2706, 2708, 2710, 2712, 2714, 2716, 2718, 2720, 2722, 2724, 2726, 2728, 2730, 2732, 2734, 2736, 2738, 2740, 2742, 2744, 2746, 2748, 2750, 2752, 2754, 2756, 2758, 2760, 2762, 2764, 2766, 2768, 2770, 2772, 2774, 2776, 2778, 2780, 2782, 2784, 2786, 2788, 2790, 2792, 2794, 2796, 2798, 2800, 2802, 2804, 2806, 2808, 2810, 2812, 2814, 2816, 2818, 2820, 2822, 2824, 2826, 2828, 2830, 2832, 2834, 2836, 2838, 2840, 2842, 2844, 2846, 2848, 2850, 2852, 2854, 2856, 2858, 2860, 2862, 2864, 2866, 2868, 2870, 2872, 2874, 2876, 2878, 2880, 2882, 2884, 2886, 2888, 2890, 2892, 2894, 2896, 2898, 2900, 2902, 2904, 2906, 2908, 2910, 2912, 2914, 2916, 2918, 2920, 2922, 2924, 2926, 2928, 2930, 2932, 2934, 2936, 2938, 2940, 2942, 2944, 2946, 2948, 2950, 2952, 2954, 2956, 2958, 2960, 2962, 2964, 2966, 2968, 2970, 2972, 2974, 2976, 2978, 2980, 2982, 2984, 2986, 2988, 2990, 2992, 2994, 2996, 2998, 3000, 3002, 3004, 3006, 3008, 3010, 3012, 3014, 3016, 3018, 3020, 3022, 3024, 3026, 3028, 3030, 3032, 3034, 3036, 3038, 3040, 3042, 3044, 3046, 3048, 3050, 3052, 3054, 3056, 3058, 3060, 3062, 3064, 3066, 3068, 3070, 3072, 3074, 3076, 3078, 3080, 3082, 3084, 3086, 3088, 3090, 3092, 3094, 3096, 3098, 3100, 3102, 3104, 3106, 3108, 3110, 3112, 3114, 3116, 3118, 3120, 3122, 3124, 3126, 3128, 3130, 3132, 3134, 3136, 3138, 3140, 3142, 3144, 3146, 3148, 3150, 3152, 3154, 3156, 3158, 3160, 3162, 3164, 3166, 3168, 3170, 3172, 3174, 3176, 3178, 3180, 3182, 3184, 3186, 3188, 3190, 3192, 3194, 3196, 3198, 3200, 3202, 3204, 3206, 3208, 3210, 3212, 3214, 3216, 3218, 3220, 3222, 3224, 3226, 3228, 3230, 3232, 3234, 3236, 3238, 3240, 3242, 3244, 3246, 3248, 3250, 3252, 3254, 3256, 3258, 3260, 3262, 3264, 3266, 3268, 3270, 3272, 3274, 3276, 3278, 3280, 3282, 3284, 3286, 3288, 3290, 3292, 3294, 3296, 3298, 3300, 3302, 3304, 3306, 3308, 3310, 3312, 3314, 3316, 3318, 3320, 3322, 3324, 3326, 3328, 3330, 3332, 3334, 3336, 3338, 3340, 3342, 3344, 3346, 3348, 3350, 3352, 3354, 3356, 3358, 3360, 3362, 3364, 3366, 3368, 3370, 3372, 3374, 3376, 3378, 3380, 3382, 3384, 3386, 3388, 3390, 3392, 3394, 3396, 3398, 3400, 3402, 3404, 3406, 3408, 3410, 3412, 3414, 3416, 3418, 3420, 3422, 3424, 3426, 3428, 3430, 3432, 3434, 3436, 3438, 3440, 3442, 3444, 3446, 3448, 3450, 3452, 3454, 3456, 3458, 3460, 3462, 3464, 3466, 3468, 3470, 3472, 3474, 3476, 3478, 3480, 3482, 3484, 3486, 3488, 3490, 3492, 3494, 3496, 3498, 3500, 3502, 3504, 3506, 3508, 3510, 3512, 3514, 3516, 3518, 3520, 3522, 3524, 3526, 3528, 3530, 3532, 3534, 3536, 3538, 3540, 3542, 3544, 3546, 3548, 3550, 3552, 3554, 3556, 3558, 3560, 3562, 3564, 3566, 3568, 3570, 3572, 3574, 3576, 3578, 3580, 3582, 3584, 3586, 3588, 3590, 3592, 3594, 3596, 3598, 3600, 3602, 3604, 3606, 3608, 3610, 3612, 3614, 3616, 3618, 3620, 3622, 3624, 3626, 3628, 3630, 3632, 3634, 3636, 3638, 3640, 3642, 3644, 3646, 3648, 3650, 3652, 3654, 3656, 3658, 3660, 3662, 3664, 3666, 3668, 3670, 3672, 3674, 3676, 3678, 3680, 3682, 3684, 3686, 3688, 3690, 3692, 3694, 3696, 3698, 3700, 3702, 3704, 3706, 3708, 3710, 3712, 3714, 3716, 3718, 3720, 3722, 3724, 3726, 3728, 3730, 3732, 3734, 3736, 3738, 3740, 3742, 3744, 3746, 3748, 3750, 3752, 3754, 3756, 3758, 3760, 3762, 3764, 3766, 3768, 3770, 3772, 3774, 3776, 3778, 3780, 3782, 3784, 3786, 3788, 3790, 3792, 3794, 3796, 3798, 3800										

SIT	Tên hàng hóa mới thêm	Tên hàng hóa đã đăng (Tên thương mại)	Mã VYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Tên VYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung bình	Thành tích	Ghi nhận về theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
65	Mặt nạ khí đang có dự và bán trên thị trường Việt Nam. Các thông số kỹ thuật như sau: Mặt nạ phòng độc có khả năng lọc các chất độc hại + khả năng thở thoải mái + khả năng đeo lâu (không bị nóng) (các chỉ số)	Mặt nạ phòng khí đang có	NH8.00.31 0.6317.279 .0002	Mặt nạ phòng khí đang có	Cải tạo phần đầu mặt, Ống dây oxy PVC, đầu nối mặt nạ, Màng PVC, Kẹp mũi, Dây thun, Cúc chốt khóa < 6mm. Kích cỡ: Ngồi lên, từ em, sơ sinh. Dây oxy dài 2000mm ± 5%, đường kính dây 5,5mm ± 5% - TCCL: ISO	HW004-x	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái/Gói	Cái	100	11.529	115.290.000	19.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN
66	Mặt nạ oxy có dây và kẹp mũi ngoài loa và từ em (tuyệt đối không bị rơi, vỡ, hỏng, biến dạng) (các chỉ số)	Mặt nạ oxy các chỉ số	NH8.00.31 0.6317.279 .0004	Mặt nạ oxy các chỉ số	Chỉ tạo phần đầu mặt, Ống dây oxy PVC, đầu nối mặt nạ, Kẹp mũi, Dây thun, Cúc chốt khóa < 6mm. Kích cỡ: Ngồi lên, từ em, sơ sinh. Dây oxy dài 2000mm ± 5%, - TCCL: ISO	HW004-x	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái/Gói	Cái	100	11.529	1.151.900	17.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN
67	Ống cơ - mũi (Gumula) và khi phun	Ống cơ mũi khi phun	NH4.01.02 0.4836.279 .0001	Ống cơ mũi khi phun	Kiểm tra khi phun (đang mở khi phun) với thiết kế có bóng. Chất liệu: PVC y tế mềm không gây kích ứng và dễ thích nghi với nhiệt độ cơ thể giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái. Các chỉ số: - TCCL: ISO	EC1301SHC	EECAN MEDICAL CO., LTD.	Trung Quốc	Cái/Gói	Cái	300	62.790	18.837.000	79.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN
68	Ống thông catheter mũi (Bàn chải NCO) để xông	Ống mũi dây mũi (Bàn chải xông không co giãn (Catheter mouth))	NH4.03.10 0.5303.102 .0001	Ống mũi dây mũi (Bàn chải xông không co giãn (Catheter mouth))	Ống mũi khi phun không co giãn. Vật liệu PE-EVA Chiều dài ống 15cm Kích thước đầu ống 10mm Ống mũi xông 10x 10, có công tắc bật và tắt mũi khi cần nhập dây kẹp. Các chỉ số: - TCCL: ISO	489.501	Pastimed Plastic Medical Ureteral Stent ve Tracer Limited (Sri Lanka)	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái/Gói	Cái	4.000	16.779	67.116.000	31.500	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN
69	Có mũi chào T khi dùng	Mặt phễu khi dùng chào T	NH8.00.31 0.5303.272 .0005	Mặt phễu khi dùng chào T	Bộ phận khi dùng có chào T. Vật liệu PVC y tế - Có mũi chào T đường kính 22F - Ống dây mũi chống xoắn dài 2m - Các chỉ số khác 5 mm - TCCL: ISO	120.109	Pastimed Plastic Medical Ureteral Stent ve Tracer Limited (Sri Lanka)	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái/Gói	Cái	4.410	31.500	138.915.000	42.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN
70	Mặt gậy mũi các chỉ số sơ sinh (từ 1 đến 5)	Mặt gậy mũi các chỉ số	NH8.00.31 0.6317.279 .0001	Mặt gậy mũi các chỉ số	Trong nước không độc hại, không mùi - Chất liệu: Vỏ bọc và đệm bọt phẳng PVC, van 1 chiều PVC, POX, Silicone, thép không gỉ - Có nút kết nối dây thở/gậy mũi - Có mũi nhọn mềm theo kích cỡ - Có van hồi t cấp - Có đệm khi thổi phồng - Kích cỡ: Sơ sinh đến người lớn (0,1,2,3,4,5) - TCCL: ISO	HW001-2, HW001-1, HW001-3, HW001-4, HW001-5,	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cái/Gói	Cái	100	21.079	2.107.900	27.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRẢNG THIẾT BỊ Y TẾ TRÔNG TIN

STT	Tên hàng hóa mẫu tiêu	Tên hàng hóa thực (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng thầu	Thành tiền	Giá năm số lần hàng đầu Nghi định số 07/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
71	Cá - mơn (Airway) các cỡ	Dùng cụ chống cắn lưỡi Airway các cỡ	N04.01.01 0.6317.279 .0001	Dùng cụ chống cắn lưỡi Airway các cỡ	Dùng cụ chống cắn lưỡi các cỡ - Vật liệu polyethylene không độc hại. - TCCL: ISO	HW01-x	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cu/ Gói	Cái	3.000	4.179	12.537.000	5.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
72	Mặt nạ thở nhỏ mỏng có dây cột đánh cho máy thở Vpap / Bpap (tương thích với máy RESMED hoặc tương đương)	MASK THỎ KHÔNG XÂM LẤN CPAP FULLFACE	N08.00.31 0.2466.272 .0001	MASK THỎ KHÔNG XÂM LẤN CPAP FULLFACE	Mặt nạ giúp thở CPAP có nhiều kích cỡ (nhỏ, trung bình, lớn) dùng để điều trị chứng ngưng thở khi ngủ. Pha bọt để dùng trong máy thở không xâm lấn, CPAP, tiệt trùng bằng hơi nước. - Mask 100% silicone y tế không mùi, không dị ứng. Có hình dạng như mũ. Thiết kế chống rò rỉ. Lượng oxy đi vào gấp 2 lần. Thiết kế nhún hướng vào trong ngăn rò rỉ. Không chạm silicone bộ trợ điều chỉnh ở đầu, công tắc ra bên trong và bên ngoài. Có thể hoàn đổi đầu mới cho nhún. - Bộ phận khác bằng Polycarbonate tinh khiết không vỡ. - Mô đun đầu bằng cao su tổng hợp. - Có nối xoay 360 độ, ống 22mm. - Có thể tái sử dụng, hấp tiệt trùng ở 121 độ C/20 phút. - TCCL: ISO	7600040-S 7600040-M 7600040-L	KINGMED MEDICAL ELECTRONIC SAGLIK HEZ VE MONTAKSAL MUTLUKLER TUTUHLER TIC LTD STI	Thổ Nhĩ Kỳ	Cu/ Gói	Cái	132	839.790	110.852.280	1.499.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
73	Bộ bơm ngoài lớn và trẻ em	Bộ bơm bóng ambu không van peep các cỡ	N00.00.00 0.6317.279 .0001	Bộ bơm bóng ambu không van peep các cỡ	Bộ bơm giúp thở Ngủ lớn và trẻ em - TCCL: ISO	HW005-x	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cu/ Gói	Cái	89	157.290	13.998.810	239.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
74	Mask oxy + venturi	Mask venturi các cỡ	N08.00.31 0.2443.296 .0018	Mask venturi các cỡ	Mask làm bằng vật liệu PVC, dây gồm sợi bằng vật liệu EVA, venturi bằng PP, có nối âm cao: ID=22mm - OD=6mm; - Ngang độ oxy từ 24%-50%, tốc độ dòng 4-12LPM; - Venturi mã hóa màu theo size; - TCCL: ISO	30144	Himer Co., Ltd.	Hải Lan	Cu/ Gói	Cái	250	41.979	10.494.750	61.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
75	Mặt nạ oxy có túi (Chống thông thở oxy nóng độ cao, nước thở oxy nóng độ cao và túi) (Cỡ cỡ sử dụng cho người lớn và trẻ em)	Mask oxy nóng độ cao có túi các cỡ	N08.00.31 0.6317.279 .0003	Mask oxy nóng độ cao có túi các cỡ	Cấu tạo gồm: ống cung cấp oxy, dây oxy, túi oxy, đầu nối, van khóa, nắp ra, kẹp mũi, dây đeo - Kích cỡ: Ngủ lớn, trẻ em, sơ sinh. Dây oxy dài 2000mm ± 5%, đường kính ngoài 5.5mm ± 10%. - TCCL: ISO	HW019-x	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	Cu/ Gói	Cái	2.500	14.679	36.697.500	24.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
76	Dây máy thở 2 nhánh	Dây thở gom sáng (corrugated) 2 dây nước 4 hoặc 5 đơn, người lớn, trẻ em	N04.03.03 0.3503.272 .0003	Dây thở gom sáng (corrugated) 2 dây nước 4 đơn, người lớn, trẻ em	Bộ dây thở bao gồm: - Khẩu xoay luer lock 90 độ: 01 chiếc - Có nối Y có công tỷ mẫu do CO2 (22M/15F-22M): 01 chiếc - Ống dây vật liệu PE-EVA đường kính 22mm (người lớn). - Có nối bằng (22F-22M): 04 chiếc (5 đơn) - Có nối bằng (22M-22M/15F): 01 chiếc (5 đơn) - Bộ phận (22M): 02 chiếc - TCCL: ISO	483 301 483 401 484 301 484 401	Plasti-med Phuck Medical Greater Samut prakan Limited 594en	Thổ Nhĩ Kỳ	Bộ Gói	Bộ	100	123.790	12.379.000	315.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hoá dự thầu (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTVT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị định	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền	Giá niêm yết theo hàng mua Nghi định số 67/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
77	Dây truyền dịch 20 giọt/ml có màng lọc, có air, không DEHP	Dây truyền dịch 20 giọt/ml có màng lọc, có air, không DEHP	N03.05.01 0.5799.115 (đơn vị: gói) .0001	Dây truyền dịch 20 giọt/ml có màng lọc, có air, không DEHP	- Dây truyền dịch 20 giọt/ml, Có màng lọc. - Có kích thước 210 x 38cm, Loại 15cm. - Có màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn. - Đầu lọc có đường kính 15mm và thân dưới bằng nhôm giọt lọc loại B1 hạt nano trong chất lỏng. - Ống nhựa PVC mềm và chống gấp đũa đầu lọc có độ dày 0,5mm. - Chiều dài: 180cm - 195cm. - Kích thước ống (OD) 3,8mm, ID 2,75mm ± 0,5mm. - Có đầu nối chữ Y (connector) bằng chất dẻo với loại poly isoprene dùng để bơm thuốc. - Không chứa DEHP, 100% trong - TCCL: ISO	GS 3358N	Bomems International	Ấn Độ	Cuối/Gối	Cái	180.000	4.399	827.820.000	8.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
78	Dây nối máy bơm tiêm tự động, không chứa DEHP, dài 140-150cm	Dây nối (dây theo đơn vị: bộ lọc cao) Nhiệm vụ: có 140-150cm	N07.01.23 0.5799.115 (đơn vị: bộ lọc cao) .0001	Dây nối (dây theo đơn vị: bộ lọc cao) Nhiệm vụ: có 140-150cm	150cm bằng nhôm y tế đã tiếp xúc, có dạng 1 lần. - Không chứa DEHP. - TCCL: ISO	150cm	NIBENO HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Cuối/Gối	Cái	8.000	5.229	41.832.000	7.499	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
79	Dây oxy 2 nhánh ngọt hơn, ít ồn	Dây oxy 2 nhánh ngọt hơn, ít ồn	N04.01.08 0.4836.279 (đơn vị: bộ lọc cao) .0001	Dây oxy mũi 2 nhánh các cỡ	Dây oxy hai nhánh các cỡ, làm bằng chất liệu PVC y tế, dài 70m, đáp ứng khoảng cách dài từ 180cm - 200cm. - Dây nhựa mềm bằng poly Ethylene Glycol (PEEG). - TCCL: ISO	ECG601XXXX MEDICAL CO., LTD.	ECAN MEDICAL CO., LTD.	Trung Quốc	Cuối/Gối	Cái	15.000	4.314	72.710.000	9.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
80	Dây truyền dịch 60 giọt/ml có bầu lọc, không chứa DEHP	Dây truyền dịch có bầu lọc, không chứa DEHP 60 giọt/ml	N03.05.01 0.5662.115 (đơn vị: bộ lọc cao) .0004	Dây truyền dịch có bầu lọc, không chứa DEHP 60 giọt/ml	Màng lọc có chức năng ngăn ngừa vi khuẩn - Có bầu 150 ml dùng pha thuốc, tự động khóa khi bắt dịch - Có 2 bầu chính giữ vên và thân bầu chính mềm - Đầu bầu có xoắn Luer Lock - Không có chất phụ gia DEHP - Đóng gói trong 27 mm, đường kính ngoài 3 mm - TCCL: ISO	GS-3094P	Bomems International	Ấn Độ	Cuối/Gối	Cái	2.000	27.200	54.600.000	39.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
81	Bình dẫn lưu màng phổi	Bình dẫn lưu màng phổi (ngực) 1600ml	N03.07.06 0.6172.279 (đơn vị: bộ lọc cao) .0004	Bình dẫn lưu màng phổi (ngực) 1 buồng	- Vật liệu PVC y tế - Cho dễ đọc, thuận tiện, chính xác - Có bầu 150 ml dùng pha thuốc, tự động khóa khi bắt dịch - Hệ thống dẫn lưu ngực 1 buồng 2.1600ml, ống dẫn lưu có kích thước - Thiết kế đơn giản, nhà trong, chống vỡ - Đóng gói vô trùng - TCCL: ISO hoặc TCCL tương đương	030501	Sichon Yaxan Medical Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Cuối/Gối	Cái	555	83.790	47.341.350	168.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN
82	Bộ dẫn lưu dịch màng phổi có màng lọc, có air, không DEHP 1600ml	Bộ dẫn lưu màng phổi có trục các cỡ 0.5799.115 (đơn vị: bộ lọc cao) .0002	N04.02.03 0.5799.115 (đơn vị: bộ lọc cao) .0002	Bộ dẫn lưu màng phổi có trục các cỡ 0.5799.115 (đơn vị: bộ lọc cao) .0002	- Được sử dụng để dẫn lưu màng phổi và lồng ngực; - Vật liệu nhựa PVC y tế, không độc hại, không phthalate - Chống dẫn dòng ngược, với kết nối trục các cỡ, không phthalate - Đường kính 5, 10, 15 và 20mm và đầu nối trục các cỡ, kết nối vít - Đầu nối được trang bị có vít để dễ dàng kết nối với chai/ống dẫn lưu - Kích thước: 5-56, chiều dài: 24-220cm - TCCL: ISO	SMCD-1001	Siemens Singapore India Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Bộ/Gối	Bộ	1:00	125.790	12.579.000	129.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG TÍN

STT	Tên hàng hoá mẫu tiêu	Tên hàng hoá dự thầu (Tên thương mã)	Mã VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model) , Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền	Giá niêm yết theo bường dẫn Nghị định số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
83	Miếng dán mắt mũi loại không tạo bọt	Miếng dán mắt mũi Unipercept 1 tạo bọt PVA 8x1,5x2cm	N02.04.05 0.2223.272 .0006	Miếng dán mắt mũi Unipercept 1 tạo bọt PVA 8x1,5x2cm	Vật liệu dán mắt mũi - Chất liệu bằng Polyvinyl Alcohol (PVA) - Kích thước: 8 cm x 2 cm x 1,5 cm - Kích thước lỗ mũi nhỏ: (0,0001mm - 0,2mm) giúp thu nhỏ mũi, để dùng chỉ bằng kéo hoặc bằng tay. - 100% không chứa xơ - Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng. - Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. - Đóng gói tốt trong, hút chân không - TCCL: ISO, CE	UP801520	GENCO TBBI CHAZLAR SANA YET TICARET LTD. STL	Thổ Nhĩ Kỳ	Củ/Gói	Cái	600	56.994	34.196.400	105.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
84	Túi bảo ôn nhiệt (5 vòng, 50mm, 45mm, 50mm, 35mm, 60mm, 70mm, chống lọt)	Túi bảo ôn nhiệt tạo Comfort 1 tạo bọt PVA khả co giãn, các cỡ	N03.07.08 0.5693.272 .0004	Túi bảo ôn nhiệt tạo Comfort 1 tạo bọt PVA khả co giãn, các cỡ	Túi bảo ôn nhiệt tạo 1 mảnh, sẽ được, loại đặc (màu da) hoặc loại trong (màu trắng) - Sử dụng chất liệu với vật liệu lớp bên ngoài không dệt bằng chất liệu ra bên ngoài và màng 5 lớp được thiết kế đặc biệt - Túi bảo ôn nhiệt trong và mũi. Sản phẩm túi giúp để dùng trực tiếp ngoài góc với ngón và mũi sản phẩm Comfort 1 - Có lớp bên trong tạo quang quanh hydrocolloid không gây dị ứng và thân thiện với da mang lại khả năng không thấm nước - Có khóa cuộn - Kích cỡ 24cm x 14cm, vòng cắt để dán tối thiểu 20mm, tối đa 70mm - TCCL: ISO hoặc TCCL tương đương	NDXSD21012 NDXCD11012	KONFORT OZEL SAĞLIK HEZMETLERI TIBBIMALZEME LER SAN.TIC. LTD. ŞTİ.	Thổ Nhĩ Kỳ	Củ/Gói	Cái	400	51.480	20.592.000	74.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
85	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Bộ gây tê ngoài màng cứng Minijack System 1 Tonby 180 độ đầu phù đầu phù kim	N08.00.38 0.3857.252 .0001	Bộ gây tê ngoài màng cứng Minijack System 1 Tonby 180 độ đầu phù đầu phù kim	1. Bộ gây tê ngoài màng cứng đầu phù khớp bao gồm: 1.1. Tonby 180 độ có đầu OD= 13mm, ID= 16mm x 1.1- 18mm, vòng chứa đầu 10x5mm, vành đầu 40 độ đầu 70mm x 10mm từ đầu kim 2. Bơm tiêm bằng thép LOR 10ml, bằng inox 3. Chamber Polymer Block, Anisic, là cuộn dây cao su dẻo, 3 lỗ bơm và cao su cách nhau 4mm, OD=0,2mm x 91,5mm, vành đầu 30 độ đầu 150mm x 10mm và 200mm x đầu ống, bề mặt mũi 0,19mm. 4. Đầu nối catheter, bằng thép bất gỉ, phẳng, dùng clip, đầu nối tạo ra một đầu mũi cho khớp khớp. 5. Bộ lọc ngoài màng cứng, bằng thép hydropolitic 0,2mm + 0,1%, nó dùng > 90%, thể tích mũi 0,6ml. Diện tích lọc 5cm². 6. 2,5mm². Áp suất đầu là 11,5kPa, 792kPa 7. Bộ lọc ngoài màng cứng, bằng thép hydropolitic 0,2mm + 0,1%, nó dùng > 90%, thể tích mũi 0,6ml. Diện tích lọc 5cm². 8. Bộ lọc ngoài màng cứng, bằng thép hydropolitic 0,2mm + 0,1%, nó dùng > 90%, thể tích mũi 0,6ml. Diện tích lọc 5cm². - TCCL: ISO hoặc TCCL tương đương	100/091/118 100/091/118CZ	Smiths Medical ASD Inc.	Hoa Kỳ	Bộ/Gói	Bộ	600	346.500	207.900.000	599.990	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
86	Bộ lấy dị vật	Bộ lấy sỏi các cỡ	N07.04.10 0.3503.272 .0001	Bộ lấy sỏi 3F, 4F	Bộ lấy dị vật Nitinol phẳng (đ độ) dài 90cm. Kích cỡ 3Fr, 4Fr	532 xxx	Plasti-med Ormler Saunyi ve Tisaret Limited Şirket	Thổ Nhĩ Kỳ	Củ/Gói	Cái	20	1.992.900	39.858.000	3.499.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
87	Bộ dẫn lưu Pigtail	Bộ dẫn lưu da chứa màng (không mũi, cho cỡ từ 16 x, cho cỡ từ 6 lòng phù hợp hydropolitic các cỡ	N08.00.08 0.1500.174 .0002	Bộ dẫn lưu da chứa màng (không mũi, cho cỡ từ 16 x, cho cỡ từ 6 lòng phù hợp hydropolitic các cỡ	Dẫn lưu trong các trường hợp chọc áp áp gan, mô thận và da (chọc trực tiếp bằng kỹ thuật Seldinger)	Phoco-SL(Coc)	Surgicon Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	Bộ/Gói	Bộ	70	1.047.900	73.353.000	1.799.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
88	Bộ mô bằng quang ra da bằng trocar (có ống dẫn lưu)	Bộ dẫn lưu bằng quang ra da Suprapubic Plasti- med các cỡ	N04.02.03 0.3503.272 .0001	Bộ dẫn lưu bằng quang ra da Suprapubic Plasti- med các cỡ	Bộ mô bằng quang ra da bằng trocar (có ống dẫn lưu 100% silicone). Kích cỡ từ 10Fr đến 16Fr.	539 00x	Plasti-med Ormler Saunyi ve Tisaret Limited Şirket	Thổ Nhĩ Kỳ	Bộ/Gói	Bộ	22	942.900	20.743.800	1.050.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN

[illegible]

STT	Tên hàng hoá mô tả	Tên hàng hoá dự thị (Tên thương mã)	Mã VTYT theo Quy định 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quy định 5086/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính theo đơn vị	Thành giá	Cũ năm của hàng đến ngày 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
95	Bộ cố định nội khí quản có chống chấn	Dụng cụ cố định nội khí quản	N80.00.00 0.4008.118 .0001	Dụng cụ cố định nội khí quản	Dây cố định nội khí quản người lớn Lam bằng vật liệu siêu mềm không gây tổn thương, giảm bị loét cổ và miệng bệnh nhân. • Có thể điều chỉnh để phù hợp với kích cỡ cổ khác nhau • Bộ bao gồm: 1 dây quản có màu trắng có núm khóa đầu nhiều loại, 2 đầu dài có thể điều chỉnh, có định lưu theo kích thước, 3 dây quản xanh có núm khóa đầu có định • Chỉ sử dụng cho 1 bệnh nhân, không tái sử dụng	15-0001	SUMI spolna z opozwizianosc s p. k.	Ba Lan	Bộ Gói	Bộ	800	231.000	184.800.000	229.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
96	Kim sinh thiết bên tự động	Kim sinh thiết bên tự động có kim dẫn đường Ultimate Set, các cỡ	N83.03.09 0.4008.147 .0001	Kim sinh thiết bên tự động có kim dẫn đường Ultimate Set, các cỡ	Đường kính 16G và 18G. Chiều dài kim: đa dạng từ 70mm, 100mm, 150mm, 180mm, 200mm, 220mm, Chiều dài đầu lấy mẫu 10mm. Kim dùng trực tiếp (kim đầu vuông)	PXxx-xx	Zenar D.O.O. Limited Liability Company	Croatia	Cu/ Gói	Cái	200	398.790	79.738.000	699.999	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC															
97	Clip polymer kẹp mạch máu cỡ 3.0x2.0	Clip Polymer kẹp mạch máu cỡ 3.0x2.0 chống trượt khớp góc 45°	N88.00.26 0.2292.107 .0003	Clip Polymer kẹp mạch máu cỡ 3.0x2.0 chống trượt khớp góc 45°	- Chất liệu polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô động mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu. - Khi cần sử dụng chỉ cần cắt bỏ phần thừa. - Kẹp được mạch máu có 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chốt clip người lớn: 9,5-13,17 mm. - Đầu dây chốt, clip: 0,3x1,2 mm. - Đường kính phần, đầu của Clip khi đóng: 1,1-2,1 mm, khi mở: 7,5-10,2-1 mm. - Có các rãnh nhún - để góc kẹp tạo nên sự tiếp xúc và ngăn ngừa rò rỉ máu. Kiểu kẹp đóng. - TCCL: ISO, CE	0301-108/L 0301-107/L 0301-107/L	Grena Ltd	Anh Quốc	Cái	Cái	3.100	60.000	186.000.000	93.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC
98	Kẹp mạch máu CLIP LT300 hoặc tương đương đóng trong phần mạch máu cỡ 3.0x2.0	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ 3.0x2.0	N88.00.26 0.2292.107 .0002	Clip Titan kẹp mạch máu	- Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 1.6mm - 1.32mm. Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kim kẹp clip - Kẹp được mạch máu có 2.5 mm đến 4mm - Clip khi mở dài 8.0mm, rộng 5.2mm. Clip khi đóng dài 9.0mm - TCCL: ISO, CE	0301-01M/L	Grena Ltd	Anh Quốc	Cái	Cái	1.200	27.000	32.400.000	36.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC
99	Kẹp mạch máu CLIP LT400 hoặc tương đương đóng trong phần mạch máu cỡ 3.0x2.0	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ 3.0x2.0	N88.00.26 0.2292.107 .0002	Clip Titan kẹp mạch máu	- Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 1.6mm - 1.42mm. Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kim kẹp clip - Kẹp được mạch máu có 3.5 mm đến 7.5 mm - Clip khi mở dài 11.9mm, rộng 5.4mm. Clip khi đóng dài 12.2mm - TCCL: ISO, CE	0301-01L	Grena Ltd	Anh Quốc	Cái	Cái	1.200	27.000	32.400.000	36.000	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC
CÔNG TY CP HỒNG DANH															
100	Đầu cone, vàng	Đầu cao vàng	N88.00.19 0.3262.279 .0003	Đầu cao vàng	- Đặc điểm: có khóa - Kích cỡ: đường kính 0-200 µl - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT205-403	Pingbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	1000 cái / bịch	Cái	80.000	70	5.600.000	200	CÔNG TY CP HỒNG DANH

STT	Tên hàng hóa mặt hàng	Tên hàng hóa dự quốc (Tên hàng mã)	Mã VAT theo Quyết định số 508/QĐ-BYT	Tên VAT theo Quyết định số 508/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng nhận (Mẫu) Mã mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tính đơn	Thành tiền	Giá niêm yết theo Thông cáo số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản
101	Ông nghiệm Hepan nhám	Ông nghiệm Hepan VNA, 2ml	N01.07.07 0.1085.000 0169	Ông nghiệm Hepan VNA, 2ml	Ông nghiệm nhám nhám tay dài, nắp nhám nhám nhám, Nhấn đong có vạch chỉ thể tích. - Kích thước: 22mm x 22mm x 10mm (mm). Bên trong chứa chất không đông, Laminum Hepan. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	V02020521	Công ty CP VNA Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Việt Nam	2.400 lồng/lồng	Ông	132.600	778	105.814.800	1.190	CÔNG TY CP HỒNG DANH
102	Laminum xét nghiệm 32x22mm	Laminum 32x22mm	N00.00.00 0.3262.279 0042	Laminum	Laminum xét nghiệm 22mm x 22mm - Quy cách: 22mm x 22mm x 10mm (mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-2222	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	100 chiếc/ hộp	Hộp	20	14.700	294.000	45.000	CÔNG TY CP HỒNG DANH
103	Laminum dây	Laminum 7102	N00.00.00 0.3262.279 0002	Laminum 7102	Laminum có bề mặt trơn - Quy cách: 22mm x 22mm x 10mm (mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-7102-2	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	72 miếng/ hộp	Hộp	180	21.000	3.780.000	45.000	CÔNG TY CP HỒNG DANH
104	Laminum nhám	Laminum 7105	N00.00.00 0.3262.279 0001	Laminum 7105	Laminum có bề mặt nhám - Quy cách: 22mm x 22mm x 10mm (mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-7105-3	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	72 miếng/ hộp	Hộp	180	25.500	2.520.000	30.000	CÔNG TY CP HỒNG DANH
105	Bầu có xanh có hình, không nhám	Bầu có xanh 0.3262.279 0003	N08.00.19 0.3262.279 0003	Bầu có xanh	Chất liệu: Nhựa PP. - Kích thước: 0.3262.279 - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-413	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	1000 chiếc/ bịch	Chi	40.000	70	2.800.000	200	CÔNG TY CP HỒNG DANH
106	Bầu có xanh có hình, không nhám	Bầu có xanh 0.3262.279 0002	N08.00.19 0.3262.279 0002	Bầu có xanh	Chất liệu: Nhựa PP. - Kích thước: 0.3262.279 - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-401	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	500 chiếc/ bịch	Chi	10.000	115	1.150.000	250	CÔNG TY CP HỒNG DANH
107	Eppendorf	Ông nghiệm Hepan nhám 1,5 ml HTM, nắp trắng	N03.07.07 0.1085.000 0036	Ông nghiệm Hepan nhám 1,5 ml HTM, nắp trắng	Ông nghiệm nhám tay dài, nắp nhám nhám, Nhấn đong có vạch chỉ thể tích. - Kích thước: 22mm x 22mm x 10mm (mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	EPD 11.5N0N3 7780	Công ty CP VNA Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Việt Nam	1.000 Ông/Bịch	Ông	8.000	231	1.848.000	304	CÔNG TY CP HỒNG DANH
108	Tam bông bông phẩm vô trùng	Ông nghiệm Hepan nhám 1,5 ml HTM, nắp trắng	N01.01.02 0.3262.279 0006	Ông nghiệm Hepan nhám 1,5 ml HTM, nắp trắng	Ông vào bao riêng lẻ, bên ngoài có nhãn ghi rõ thông tin. - Kích thước: 22mm x 22mm x 10mm (mm) - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	GT201-502	Ningbo Greentool Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	100 chiếc/ túi	Chi	20.000	1.890	37.800.000	4.500	CÔNG TY CP HỒNG DANH

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Tên hàng hóa cũ (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Mã/Giấy)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong thầu	Thành tiền	Giá năm xét theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
109	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml, có nắp	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml nắp trắng, có nắp	N03.07.07 0.1085.000 .0041	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml nắp trắng, có nắp	- Kích thước 13x75 (mm), nhựa PS trắng trong, nắp nhựa da trong màu trắng, có nhãn, dung tích tối đa 6ml. - Độ pH trung tính, có độ bền lâu cao. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	ONG_35MLXNO N37N1	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	500 Ông/ Địch	Ông	60.000	525	31.500.000	644	CÔNG TY CP HỒNG DANH
110	Ông nghiệm nhỏ Citrat 3.8%	Ông nghiệm Citrat 3.8% VMA 2ml	N03.07.07 0.1085.000 .0167	Ông nghiệm Citrat 3.8% VMA 2ml	- Ông nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp nhựa màu xanh lá. Nhãn ông có vạch chỉ thể tích. Kích thước ông nghiệm: 13 x 75 (mm). Bên trong chứa chất lỏng đồng đẳng Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	V0200521	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	2.400 Ông/ Địch	Ông	40.000	777	31.080.000	1.128	CÔNG TY CP HỒNG DANH
111	Ông nghiệm EDTA K2 YMA 2ml, nắp cao su	Ông nghiệm EDTA K2 YMA 2ml, nắp cao su	N03.07.07 0.1085.000 .0176	Ông nghiệm EDTA K2 YMA 2ml, nắp cao su	- Ông nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Nhãn ông có vạch chỉ thể tích. Kích thước ông nghiệm: 13 x 75 (mm). Bên trong chứa chất lỏng đồng đẳng Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (K2-EDTA). - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	V6000531	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	2.400 Ông/ Địch	Ông	120.000	1.008	120.960.000	1.723	CÔNG TY CP HỒNG DANH
112	Ông nghiệm Chưng cất YMA 2ml	Ông nghiệm Chưng cất YMA 2ml	N03.07.07 0.1085.000 .0184	Ông nghiệm Chưng cất YMA 2ml	- Ông nghiệm nhựa hình trụ đáy tròn, nắp nhựa màu xám. Nhãn ông có vạch chỉ thể tích. Kích thước ông nghiệm: 13 x 75 (mm). Bên trong chứa chất lỏng đồng đẳng Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (K2-EDTA) và Sodium Fluoride (NaF). - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	V8000521	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	2.400 Ông/ Địch	Ông	15.000	777	11.655.000	1.148	CÔNG TY CP HỒNG DANH
113	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml, không nắp	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml không nắp, không nhãn	N03.07.07 0.1085.000 .0040	Ông nghiệm nhỏ PS 5ml không nắp, không nhãn	- Kích thước: 13 x 75 (mm), nhựa PS trắng trong, không nắp, không nhãn, dung tích tối đa 6 ml. - Độ pH trung tính, có độ bền lâu cao. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	ONG_35MLXNO N30N0	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	500 Ông/ Địch	Ông	40.000	294	11.760.000	497	CÔNG TY CP HỒNG DANH
114	Lo nhựa PS 50ml, nắp đậy, có nhãn	Lo nhựa đựng mẫu PS tiết trong 55ml HTM nắp đậy, có nhãn	N03.07.07 0.1085.000 .0141	Lo nhựa đựng mẫu PS tiết trong 55ml HTM nắp đậy, có nhãn	- Lo nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ dung tích 55 ml. - Kích thước: Chiều cao 60 mm, đường kính 36 mm. - Độ pH trung tính, có độ bền lâu cao. - Tựa trong bằng từ Gamma. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	LON_355MRNO N47N1	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	100 lọ/bịch	Lọ	30.000	1.722	51.660.000	2.765	CÔNG TY CP HỒNG DANH
115	Lo nhựa PS 50ml, nắp đậy, có nhãn	Lo nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đậy, có nhãn	N03.07.07 0.1085.000 .0004	Lo nhựa đựng mẫu PS 55ml HTM nắp đậy, có nhãn	- Lọ nhựa PS. - Thể tích 50ml, thể tích chứa mẫu 40ml. - Nắp bằng nhựa PP, nắp chống rò rỉ. - Thân trong suốt. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	LON_355MRNO N37N1	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	100 lọ/bịch	Lọ	20.000	1.113	22.260.000	1.492	CÔNG TY CP HỒNG DANH
116	Lo đựng phân 50 - 55ml - có chất bảo quản - nắp vàng	Lo nhựa đựng phân có chất bảo quản 50ml HTM nắp vàng, có nhãn	N03.07.06 0.1085.000 .0001	Lo nhựa đựng phân có chất bảo quản 50ml HTM nắp vàng, có nhãn	- Lo nhựa PS trắng trong, dung tích 50 - 55ml ml. Có nhãn màu trắng, nắp nhựa có gắn miệng, có chất bảo quản F2AM. - Tiêu chuẩn ISO 14855:2016	LON_355MRNO N27N1	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiên Mỹ	Viet Nam	100 lọ/bịch	Lọ	4.000	2.163	8.652.000	2.935	CÔNG TY CP HỒNG DANH

[illegible]

STT	Tên hàng hoá mối thầu	Tên hàng hóa dự thầu (Tên thương mại)	Mã VYT theo Quyết định số 506/QĐ- BYT	Tên VYT theo Quyết định số 506/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chung loại (Model) - Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thừa	Thành tiền	Giá năm về (theo hướng dẫn Nghi định số 07/2023 /NĐ-CP)	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
CÔNG TY TNHH GAS VIỆT NAM															
123	Chống nhiễm (tốt trung bình) tốt đầu	Chống tay bắt đầu tốt			- Kích thước: Chiều dài từ đầu ngón giữa đến cổ tay là 290mm ± 10mm. Chiều rộng cổ tay 130mm ± 3mm. - Được làm từ Polyethylene (PE) trong nước, dẻo, dai, không thấm nước và tiết kiệm bằng khí Ethylene Oxide theo tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 11135. - Thiết kế các ngón thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các nếp gấp bảo vệ kín. - Đồng giới: 1 cỡ bao. - Định kỳ 3 tháng/lần gửi mẫu đến Trung tâm Quatest 3 để kiểm tra các chỉ tiêu nhiễm mủ, vi khuẩn hiếu khí, Escol. - Sản phẩm được sử dụng với mục đích bắt đầu và các thủ thuật y tế, được phân, thực phẩm, phòng thí nghiệm, y tế.	Chung loại: tốt trung; Ký mã hiệu: Medico	Chi nhánh Công ty TNHH Gas Việt Nam	Viet Nam	1 cỡ/bao	Cái	50.000	1.100	55.000.000	4.000	CÔNG TY TNHH GAS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH HOÀNG BẢO NGUYỄN															
124	Bộ đồ dân bộ chào đón	Bộ đồ dân bộ chào đón, vỏ trung	800.000.000 0.1255.000 .0012	Bộ sản phẩm đến cho máy bơm tiêm bê chào đón, vỏ trung	Bộ 10 khoản gồm: - Áo sơ sinh: 01 cái - Túi sữa (túi sữa): 01 cái - Băng tạo vết: 02 cái - Băng dán: 02 cái - Khăn bông quấn bé: 01 cái - Khăn lau bé: 01 cái - Áo Kangaroo 01 cái - Túi bé: 01 cái - Túi lót sản phụ: 01 cái	DB01	Hoàng Bảo Nguyễn	Viet Nam	Gói /hộp	Bộ	2.500	152.250	380.625.000	168.000	CÔNG TY TNHH HOÀNG BẢO NGUYỄN
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI ĐƯƠNG VIỆT															
125	Bơm tiêm cân quang	Bơm tiêm cân quang 100ml dùng cho máy bơm cân quang Nemoto chúng loại Smartshot Alpha	803.01.04 0.4634.279 0.5302.155 .0015	Bộ bơm tiêm 100ml cho máy bơm tiêm thuộc cân quang Nemoto	Bộ bơm tiêm sử dụng cho máy bơm cân quang Nemoto chúng loại Smartshot Alpha gồm: - 1 bơm tiêm 100ml- chất liệu PC/PP/Rubber/AIS - Chiều dài của vỏ bơm: 172.5mm - Đường kính ngoài của vỏ bơm: 32.9mm - 1 dây truyền bằng: dài 1500mm, chất liệu PVC - 1 ống hút 7: chất liệu PE - Áp suất bơm tiêm: 350psi - Tiết trọng: ETO - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	BM-AS-CT-100- D01	BroadMed Medical Co., Ltd	Trung Quốc	50 bộ/ thùng	500	153.000	76.500.000	330.000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI ĐƯƠNG VIỆT	
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT Y TẾ M.D.T															
126	Dây dẫn đường dùng cấy	Dây dẫn đường dùng cấy quang phủ PTFE loại phân công đầu mềm tinh hoạt thường, có 0.018" đến 0.038", dài 150cm	807.01.27 0.5302.155 0.0009	Dây dẫn đường dùng cấy quang phủ PTFE loại phân công đầu mềm tinh hoạt thường, có 0.018" đến 0.038", dài 150cm	- Dùng để dẫn đường cho ống thông - Dây dẫn, mềm, chất làm bằng hợp kim không gỉ phủ PTFE, đầu thông và đầu 1 tùy theo sự lựa chọn, đầu flex tip dài 3cm - Các size: 0.018-0.025-0.028-0.032-0.035-0.038 inch tương ứng đường kính ngoài các size 0.45-0.64-0.71-0.81-0.89-0.96mm. Dài 150cm - TCCL: ISO	ST-291518; ST- 291522; ST- 291528; ST- 291532; ST- 291535; ST- 291538	unovision Gesellschaft für medizinischen Technologien - Transfer mbH	Đức	Ống/ cái	Cái	20	357.000	7.140.000	550.000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT Y TẾ M.D.T

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Mã VATYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Tên VATYT theo Quyết Định số 5986/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (tên gọi, ký mã hiệu sản phẩm)	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thứ	Thành tiền	Giá niêm yết theo hàng đơn vị tính số 67/2023 /QĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
127	Dây dẫn đường phải Hydrophilic, đầu bằng, dài 121- 180cm, trục tiêu chuẩn, size 0.018" đến 0.038"	N87.01.271 Hydrophilic, đầu bằng, dài 121- 180cm, trục tiêu chuẩn, size 0.018" đến 0.038"	Dây dẫn đường phải phải Hydrophilic, đầu bằng, dài 121- 180cm, trục tiêu chuẩn	- Kết hợp 05i material để định và chống xoắn với lớp phủ polystyrene, lớp phủ hydrophilic là nước để có hệ điều hướng để dùng thông qua giải phẫu quanh cơ và theo kết tủa từ các dụng cụ. - Dây tủy, nhân để chèn, đầu bằng và dài 170y theo sơ đồ chọn, đầu đơn tip dài 3cm - Các size 0.018- 0.025- 0.025/0.032-0.035-0.038inch tương ứng đường kính ngoài các size 0.45- 0.64- 0.71-0.81-0.94-0.96mm, DMI150mm, - TCCL: ISO	URO-HY-N-S ST-018-D-1-20- URO-HY-N-S ST-025-D- 150-030-HY-N- SST-032-31-10- URO-HY-N-S ST-035-D-1-20- URO-HY-N-S ST-038-D-1-20	SP Medical /AS	Đan Mạch	Chứa dài	Cái	110	787,500	86,625,000	1,500,000	CÔNG TY TNHH PHỤ T TRỢ KỸ THUẬT Y TẾ M&T
CÔNG TY TNHH TM TBVT THÀNH KHOA														
128	Ông nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	N04.01.03 Easyscal Enco có bằng dài 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	Ông nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	- Kích cỡ: 2.5 x 3.0 x 8.5, có bằng - Bằng PVC không chứa latex, độ cứng phù hợp với đường cong KMI quốc dân ứng được bao hai (hình minh họa), thân trục có chứa sợi K có 2 vệt đen gần bằng tiếp định vị định đúng an toàn, - Đóng gói từng chiếc - Tiêu chuẩn: ISO, FDA	NCS-713-4-NCS- 713-5- NCS-713-5-NCS- 713-7- NCS-713-5-NCS- 713-9- NCS-713-10- 11-NCS-713- 12-NCS-713- 13-NCS-713-14- NCS-713-15	Non-Change Enterprise Co., Ltd	Đài Loan	Giấy gói dài	Cái	3,500	16,800	58,800,000	27,300	CÔNG TY TNHH TM TBVT THÀNH KHOA
129	Ông nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	N04.01.03 Easyscal Enco có bằng dài 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	Ông nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 2,5 - 3" đến sơ (3.0 - 4.5) 50	- Có nhồi 15mm - Các cỡ 6Fr, 10Fr, 14Fr, - Chuẩn của FDA - Tiêu chuẩn: ISO, FDA	NCS-713-140S, NCS-713- 141S,NCS-713- 142S	Non-Change Enterprise Co., Ltd	Đài Loan	Giấy gói dài	Cái	136	84,000	11,424,000	189,000	CÔNG TY TNHH TM TBVT THÀNH KHOA
130	Cây dẫn đường đầu nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 15Fr	N00.00.00 0.3287.256 bằng KMI quan 10Fr	Cây dẫn đường đầu nhồi KMI quan có bằng, dài sơ 15Fr	Cây dẫn đường đầu nhồi KMI quan, đầu cong nhồi - Các đường thông KMI có các mã nhà sản xuất để ứng - Kích cỡ: 15Fr/5.5mm, Chiều dài 700mm, ID của ống nhồi KMI quan bằng các từ 6.0-11.0 - Tiêu chuẩn: ISO, FDA	NCS-713-142V	Non-Change Enterprise Co., Ltd	Đài Loan	Giấy gói dài	Cái	20	84,000	1,680,000	189,000	CÔNG TY TNHH TM TBVT THÀNH KHOA
CÔNG TY TNHH TM-BV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC														
131	Túi nước tiểu 2000ml có dây treo	N01.07.06 Polybu 2000ml, 0.320, 115 túi nước tiểu treo	Túi nước tiểu 2000ml có dây treo	Kích cỡ: túi 2000ml Được chất liệu từ chất bằng nhựa PE, chất treo nhân bằng PVC y tế, dung tích: 2000ml - Kích thước: túi: dài khoảng 27cm, rộng khoảng 20cm, van 1 chiều - Vách chất liệu từ nhựa nhân tạo, van và vách trong cùng 100ml - Van và dây, nắp chặn, thiết kế van dây ngang chữ T - Dây nhồi dài khoảng 90cm, có móc treo từ - Tiêu chuẩn bằng EO - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC	Polybu 30101	Poly Medicine	Ấn Độ	1/2 gói vô tùng	Cái	10,000	18,500	189,000,000	23,100	CÔNG TY TNHH TM- BV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Tên hàng hóa đã có (tên thương mại)	Mã theo Quyết định số 586/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 586/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), KS nhà sản xuất sản phẩm	Hãng sản xuất	Nguồn sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong báo	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn nội định tại Nghị định 58/2019/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
132	Túi nước tiểu có bộ lọc nước tiểu	Bộ lọc nước tiểu chính xác 500ml, túi 2000ml	N00.00.00 0.569.279 .0001	Tên VTYT theo Quyết định số 586/QĐ-BYT	Chất liệu: sản phẩm bằng PVC không DEHP, không latex. Khoảng chứa và ống đo bằng PC, PVC-DEHP free. Đặc: ống đo 40cm chứa vạch đo từng 1ml, khoảng 500ml bao tròn cạnh ngoài ruột ro và nắp bề không, được chia từng 5ml tăng dần lên trong mức đo từ 45ml đến 500ml, có 2 van 1 chiều chống trào ngược một bên, có 2 nắp lọc bụi, dài 1.5m nối khoảng với ống thông tiểu, đồng lấy mẫu nước tiểu, không chứa kim có 1 mặt trong nước, van xả gạt ngược (chất T) được gắn ghép vào túi, túi chứa 2L có 1 ống thông tiểu và dây treo bộ đo nước tiểu. Đóng gói: túi trong 1 bộ/gói bằng giấy Tyvek chống thấm TCCL: ISO 14485, CE2862	25039782	Jiangsu Hongxin	Trung Quốc	1/gói vỏ trong	Cái	10.000	357.000	3.570.000.000	410.550	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
133	Gel siêu âm	Gel siêu âm bình/5kg	N00.00.00 0.650.252 .0008	Gel siêu âm ECG supergel 5KGs	Kích cỡ: 5kg/bình Đặc: gel siêu âm không chứa muối, không dính nước, không gây dị ứng, đảm bảo độ đàn hồi đồng đều trong suốt quá trình sử dụng, độ nhớt 80.000mpa, STD 18%, đảm bảo truyền âm hiệu quả và tốc độ truyền nhanh (1.48). Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm. Đóng gói: 5L/bình TCCL: ISO, CE, made in Italia	Cenacarta	Cenacarta	Ý	3liah/ 5kg	Bình	220	220.500	48.510.000	283.500	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
134	Kem điện tim (gel điện tim)	Gel điện tim 260gr (4-10ml)	N00.00.00 0.5829.115 .0007	Gel điện tim ECG supergel 260GRs	Kích cỡ: 260gr/1 túi, 250ml Đặc: gel siêu âm không chứa muối, không dính nước, không gây dị ứng, đảm bảo độ đàn hồi đồng đều trong suốt quá trình sử dụng, độ nhớt 80.000mpa, STD 18%, đảm bảo truyền âm hiệu quả và tốc độ truyền nhanh (1.48). Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm. Đóng gói: 2.50ml-2.70gr/1 túi TCCL: ISO, CE, made in Italia	ECG Supergel	Cenacarta	Ý	260gr/ 1 túi/ 250ml	Túi	100	24.150	2.415.000	283.500	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
135	Băng bó bộ 15cm x 2.7m	Băng bó bộ PrimePOP 4" (10cm x 2.7m)	N02.01.01 0.5829.115 .0003	Băng bó bộ PrimePOP 4" (10cm x 2.7m)	Kích cỡ: 4" (10cm) dài 2.7m Đặc: băng bó siêu cao cấp mịn (Calcium Sulphate 98%), kết cấu sợi vải bền chắc, không tạo sợi ở đầu cuộn, băng bó dễ dàng tháo rời, không gây ngứa và không kích ứng da, thời gian khô nhanh 2-4h, nặng 125g (460g/m ² x 4-20g). Bề mặt nhẵn.	PrimePOP	Prime	An Độ	1 cuộn gói	Cuộn	150	25.200	3.780.000	29.400	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
136	Băng bó bộ 15cm x 2.7m	Băng bó bộ PrimePOP 6" (15cm x 2.7m)	N02.01.01 0.5829.115 .0004	Băng bó bộ PrimePOP 6" (15cm x 2.7m)	Kích cỡ: 6" (15cm) dài 2.7m Đặc: băng bó siêu cao cấp mịn (Calcium Sulphate 98%), kết cấu sợi vải bền chắc, không tạo sợi ở đầu cuộn, băng bó dễ dàng tháo rời, không gây ngứa và không kích ứng da, thời gian khô nhanh 2-4h, nặng 175g (460g/m ² x 4-20g). Bề mặt nhẵn.	PrimePOP	Prime	An Độ	1 cuộn gói	Cuộn	150	33.600	5.040.000	38.850	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
137	Ống thông bàng quang (Pezzer) các số	Ống thông Pezzer (sonde qua bì)	N04.04.01 0.3345.279 .0002	Ống thông Pezzer (sonde qua bì)	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex Kích cỡ: 16Fr - 30Fr, dài 38 - 40 cm Đặc: băng cao su tự nhiên, không có độc tính, không gây kích ứng da, thời gian khô nhanh 2-4h, đồng thời có thể tháo rời dễ dàng. Đóng gói: túi kín 1 bộ/gói TCCL: ISO, CE	Topcare	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	1/gói vỏ trong	Cái	530	22.050	11.686.500	26.250	CÔNG TY TNHH TM-DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC

STT	Tên hàng hoá mới thêm	Tên hàng hoá đã nhập (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết định số 5866/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 5866/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (bộ chế), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong nhà	Thành tiền	Giá niêm yết theo bảng giá nội địa số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
CÔNG TY TNHH TM-DV-KY THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC															
138	Phim X quang khổ laser D-EL 26cm x 36cm	Phim X Quang D-EL 26X36cm	N807.01.50 02148.232 2013	Phim X Quang D-EL 26X36cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 26cm x 36cm - Phim khô kỹ thuật số dùng một lần laser - Trung tâm kỹ thuật số dùng một lần laser - Lớp bảo vệ: 58 dùng công nghệ laser - Độ dày phim 186,5 µm - TCCL: ISO, CE	D-EL	FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd	Nhật Bản	130 hộp/5 thùng	Tấn	130.000	27.300	4.095.000.000	27.300	CÔNG TY TNHH TM-DV-KY THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC
139	Phim X quang khổ laser D-EL 35cm x 43cm	Phim X Quang D-EL 35X43cm	N807.01.50 02148.232 2016	Phim X Quang D-EL 35X43cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 35cm x 43cm - Phim khô kỹ thuật số dùng một lần laser - Trung tâm kỹ thuật số dùng một lần laser - Lớp bảo vệ: 58 dùng công nghệ laser - Độ dày phim 186,5 µm - TCCL: ISO, CE	D-EL	FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd	Nhật Bản	100 hộp/5 thùng	Tấn	45.000	39.690	1.786.050.000	39.690	CÔNG TY TNHH TM-DV-KY THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ DMED															
140	Flow sensor (Cảm biến lưu lượng) (Dòng sensor), dùng cho trẻ em người lớn (Dòng Pneumatic)	N80.03.00 0.0496.175 0544	Pneumatic, dùng cho trẻ em người lớn	Flow sensor Dùng cho máy thở Hamilton-C3	4410	Elo-med	Mỹ	Củ/Túi	Cái	150	1.200.000	180.000.000	1.350.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ DMED	
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN															
141	Sonde double J số 7	Sonde niệu quản JJ số 7	N804.01.09 02413.279 2010	Thông (sonde) niệu quản cỡ JJ số 7	Nguồn liệu polycurelan, thiết kế dạng xoắn 2 đầu hình J, phủ hydrophilic để trơn, cấu quang, có vách ngăn để tránh tắc nghẽn, đầu nối có nhiều lỗ dẫn giúp dẫn lưu hiệu quả. Có các rãnh bên ngoài dọc thân ống cho phép dễ dàng đi qua các mô mềm với lực kéo. - Dùng một lần - Kích cỡ 6Fr, 7Fr, 8Fr dài 26cm - TCCL: CE, ISO 13485	HTB1708F, HTB1709F, HTB1708F	Huoc Medical Co., Ltd	Trung Quốc	1 Củ/01 túi	Cái	300	190.000	57.000.000	330.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH THIÊN															
142	Sáp dán mắt xương 2,5gr (TRUVAX)	Sáp dán mắt xương 2,5gr (TRUVAX)	N812.04.05 02365.115 0002	Sáp dán mắt xương 2,5gr (TRUVAX)	Sáp dán mắt xương 2,5gr	S801	Healthum Medvet Private Limited	Cộng hòa Ấn Độ	12 miếng/hộp	Miếng	60	22.000	1.320.000	25.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH THIÊN

STT	Tên hàng hoá mặt thầu	Tên hàng hoá dự thầu (Tên thương mại)	Mã VTVT Quỹ Định số 596/QĐ- BYT	Tên VTVT theo Quỹ Định số 596/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Tỷ mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn Nghi định số 07/2013 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG															
143	Chi không tun đơn sợi tổng hợp polyamide 100, 2 kính tam giác, dài 6mm	Chi Carelon (Nylon) số 100, đài 30 cm, 2 kính tam giác, dài 6 mm, M02HE06L30	N05.02.03 0.1141.000 0150	Chi Carelon (Nylon) số 100, đài 30 cm, 2 kính tam giác, dài 6 mm, M02HE06L30	Chi không tun tổng hợp Nylon/Polyamide số 100, dài 30 cm, 2 kính tam giác 30°, dài 6 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	M02HE06L30	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/12 cặp	Tép	60	124.950	7.497.000	157.080	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
144	Chi không tun tổng hợp đơn sợi (Nylon) 500 dài 75cm, kim tam giác 30C 16mm	Chi Carelon (Nylon) số 500, đài 30 cm, 2 kính tam giác, dài 16 mm, M10E16	N05.02.04 0.1141.000 0014	Chi không tun tổng hợp Carelon (Nylon) số 500, đài 30 cm, 2 kính tam giác 30°, dài 16 mm	Chi không tun tổng hợp Nylon/Polyamide số 500, dài 75 cm, kim tam giác 30°, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mỗi vút nhon UltraGlyde	M10E16	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tép	230	18.060	4.153.800	24.024	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
145	Chi không tun tổng hợp đơn sợi (Nylon) 300 dài 75cm, kim tam giác 30C 24mm	Chi Carelon (Nylon) số 300, đài 30 cm, 2 kính tam giác, dài 24 mm, M55E24	N05.02.04 0.1141.000 0012	Chi không tun tổng hợp Carelon (Nylon) số 300, đài 30 cm, 2 kính tam giác 30°, dài 24 mm	Chi không tun tổng hợp Nylon/Polyamide số 300, dài 75 cm, kim tam giác 30°, dài 24 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mỗi vút nhon UltraGlyde	M55E24	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tép	6.000	14.070	84.420.000	18.480	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
146	Chi không tun tổng hợp đơn sợi (Polypropylene) số 700, 2 kính tròn, đài 10 mm, P05BB10 không r	Chi Truistilene (Polypropylene) số 700, 2 kính tròn, đài 10 mm, P05BB10	N05.02.03 0.1141.000 0030	Chi Truistilene (Polypropylene) số 700, 2 kính tròn, đài 10 mm, P05BB10	Chi không tun tổng hợp polypropylene số 700, dài 75 cm, 2 kính tròn 30°, dài 10 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat	P05BB10	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/12 cặp	Tép	60	81.900	4.914.000	147.233	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
147	Chi không tun tự nhện da sợi alk số 1, kim tam giác, dài 13 mm, 39C 13mm	Chi Caretilk (Silk) (Silk) số 1, kim tam giác, dài 13 mm, 39C 13mm, S07E13	N05.02.03 0.1141.000 0022	Chi Caretilk (Silk) (Silk) số 1, kim tam giác, dài 13 mm, 39C 13mm, S07E13	Chi không tun tự nhện alk số 1, dài 75 cm, kim tam giác 30°, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	S07E13	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/12 cặp	Tép	50	36.720	1.837.500	63.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
148	Chi không tun tự nhện da sợi alk số 1, dài 75cm, kim tam giác 3/8	Chi Caretilk (Silk) (Silk) số 1, kim tam giác, dài 36 mm, S40D36	N05.02.03 0.1141.000 0241	Chi Caretilk (Silk) (Silk) số 1, kim tam giác, dài 36 mm, S40D36	Chi không tun tự nhện alk số 1, dài 75 cm, kim tam giác 1/2°, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mỗi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mỗi vút nhon UltraGlyde	S40D36	Công ty TNHH Chi phần xuất CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tép	220	22.050	4.851.000	37.800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

CHỈ DẪN

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hoá dự trữ (Tên hàng mã)	Mã VTYT theo Quyết Định số 506/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết Định số 506/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong thời	Thành tiền	Giá trị theo hàng hoá Ngày định số 07/2023 NĐ-CP	Tên nhà sản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
149	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 270, dài 150cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 270, dài 150cm, không kim	N05.02.03 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.010	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 270, dài 150 cm	Chi không tu v nhân da s 270, không kim, dài 150 cm. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả	S300	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	360	10.500	3.780.000	18.800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
150	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	N05.02.03 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.012	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150 cm	Chi không tu v nhân da s 300, không kim, dài 150 cm. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả	S300	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	500	10.500	5.250.000	18.800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
151	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	N05.02.03 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.022	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150 cm	Chi không tu v nhân da s 300, không kim, dài 150 cm. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả	S300	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	440	18.165	7.992.000	32.700	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
152	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150cm, không kim	N05.02.03 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.004	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 300, dài 150 cm	Chi không tu v nhân da s 300, không kim, dài 150 cm. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả	S300	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	1.000	13.965	13.965.000	25.200	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
153	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	N05.02.03 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.005	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75 cm	Chi không tu v nhân da s 400, dài 75 cm, kim loại 3/6, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XiroCoat, mặt kim UltraGrip. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả, và vật nhon UltraGrip	S15E18	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	120	18.165	2.179.800	24.024	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
154	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	N05.02.04 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.013	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75 cm	Chi không tu v nhân da s 400, dài 75 cm, kim loại 3/6, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XiroCoat, mặt kim UltraGrip. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả, và vật nhon UltraGrip	S15E18	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	874	14.700	12.847.800	28.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
155	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75cm, không kim	N05.02.05 nhân da s Secret (S18) 0.1141.000 0.004	Chi không tu v nhân da s Secret (S18) 400, dài 75 cm	Chi không tu v nhân da s 400, dài 75 cm, kim loại 3/6, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XiroCoat, mặt kim UltraGrip. Đồng gói bằng giấy tết trong Sığam (100 micron) ở bên cao, ngăn khuôn bên quả, và vật nhon UltraGrip	S15E18	Công ty TNHH Chi phần thuê CPT	Viet Nam	Hộp 24 lớp	Tập	2.700	15.225	39.022.800	25.936	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	Tên hàng hóa mô tả	Tên hàng hóa hàng (Tên trong mép)	Mã VTVT theo Quyết Định số 596/QĐ- BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 596/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất Chỉ phân thuật CPT	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (tổng thành)	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn Nghi định số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
156	Chỉ không tan đồng hợp đơn sợi Sterilin (Nylon) số 1, kim tròn, dài 60, kim dài tròn	Chỉ Carelon (Nylon) số 60, kim tròn, dài 13 mm, M07E13	N05.02.03 0.1141.000 .0161	Chi Carelon (Nylon) số 60, kim tròn, dài 13 mm, M07E13	Chỉ không tan tổng hợp NylonPolyamide số 60, dài 75 cm, kim tam giác 3/8", dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	M07E13	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/12 cặp	Tập	20	35.175	703.500	53.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
157	Chỉ tan chậm số 1, kim tròn, dài 30mm	Chỉ Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 1, kim tròn, dài 30 mm, C50A50	N05.02.05 0.1141.000 .0064	Chi Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 1, kim tròn, dài 30 mm, C50A50	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2", dài 30 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ bẻ. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat	C50A50	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tập	110	26.040	2.864.400	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
158	Chỉ tan chậm số 1, kim tròn dài 80 mũi gao	Chỉ Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 1, kim tròn dài 80 mm, C50B90	N05.02.05 0.1141.000 .0065	Chi Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 1, kim tròn dài 80 mm, C50B90	Chỉ tan chậm tự nhiên Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 1, dài 75 cm, kim tròn dài 80 mm	C50AB90	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/12 cặp	Tập	36	47.010	1.693.440	80.640	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
159	Chỉ tan chậm tự nhiên 0 kim tròn 26	Chỉ Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn, dài 26 mm, C40A26	N05.02.05 0.1141.000 .0057	Chi Trautiger (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn, dài 26 mm, C40A26	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2", dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ bẻ. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat	C40A26	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tập	60	26.040	1.562.400	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
160	PLAIN CATGUT 2/0, KIM TRON 26	Chỉ Trautiger (C) (Phân Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, N30A26	N05.02.04 0.1141.000 .0037	Chi tan nhanh tự phân Trautiger (N) (Phân Catgut) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2", dài 26 mm	Chỉ tan nhanh tự nhiên phân catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2", dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khẩn hiệu quả	N30A26	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tập	221	25.095	5.545.995	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
161	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi Sterial (Silk) 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	Chỉ Caretilk (Silk) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm, S30A26	N05.02.03 0.1141.000 .0063	Chi Silk số 2/0, kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2", dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khẩn hiệu quả	S30A26	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tập	200	14.490	2.898.000	24.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
162	Chỉ không tan đồng hợp đơn sợi Sterilin (Nylon) số 1, kim tròn, dài 30mm	Chỉ Carelon (Nylon) số 1, kim tròn, dài 30 mm, M40E30	N05.02.03 0.1141.000 .0210	Chi Carelon (Nylon) số 1, kim tròn, dài 30 mm, M40E30	Chỉ không tan tổng hợp NylonPolyamide số 1, dài 75 cm, kim tam giác 3/8", dài 30 mm. Kim thép 302 phủ silicôn XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy tết trong 80gam (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	M40E30	Công ty TNHH Chỉ phân thuật CPT	Viet Nam	Hộp/24 cặp	Tập	550	14.700	8.085.000	25.200	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hóa dự thầu (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ- BVT	Tên VTVT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BVT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model) - Ký mã hiệu sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng tính	Thành tiền	Giá niêm yết theo lượng đơn lực/đơn số 07/2023 /ĐP-CP	Tên nhà nhà
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
163	Chi không tu từ nhựa da số Silica (SiH) 1 đá 1, kim tròn, dài đầu 75cm, kim tròn 12C 26mm	Chi Ceramic (SiH) đá 1, kim tròn, dài đầu 75cm, kim tròn 12C 26mm	N05.02.03 0.1141.000 .0038	Chi Ceramic (SiH) đá 1, kim tròn, dài đầu 75cm, kim tròn 12C 26mm, S40A26	Chi không tu từ nhựa da số 1, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat, mặt kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả	S40A26	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	620	20.895	12.934.900	37.800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
164	Chi sắt 3/0, kim tròn 26mm S20E26	Chi Ceramic (SiH) đá 3/0, kim tròn 26mm, dài 26 mm, S20E26	N05.02.04 0.1141.000 .0023	Chi không tu từ nhựa Ceramic (SiH) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm	Chi không tu từ nhựa da số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat, mặt kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả, mặt vết loét UltraGlyde	S20E26	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	600	14.070	8.442.000	24.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
165	Chi tuấn chân 2/0 kim tròn 26 mm	Chi TACChom (Chromic Caprol) đá 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm	N05.02.05 0.1141.000 .0084	Chi TACChom (Chromic Caprol) đá 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm	Chi tuấn chân tu từ nhựa chromic caprol số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat, mặt kim UltraGlyde. Chi làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dẻo nên. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả XinCoat	TC30H26	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	720	13.225	10.962.000	23.936	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
166	Chi tuấn chân 2/0 kim tròn 36mm C30A36	Chi Transgel (C) (Chromic Caprol) đá 2/0, kim tròn, dài 75 cm, C30A36	N05.02.04 0.1141.000 .0029	Chi tuấn chân tu nhựa Transgel (C) (Chromic Caprol) đá 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 36 mm	Chi tuấn chân tu từ nhựa chromic caprol số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat, mặt kim UltraGlyde. Chi làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dẻo nên. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả XinCoat	C30A36	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	120	26.250	3.150.000	43.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
167	Chi không tu từ nhựa da số Silica (SiH) 1, đầu 150cm, S400 không kim	Chi Ceramic (SiH) đá 1, không kim, đầu 150 cm, S400	N05.02.03 0.1141.000 .0254	Chi Ceramic (SiH) đá 1, không kim, đầu 150 cm, S400	Chi không tu từ nhựa da số 1, không kim, dài 150 cm. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả	S400	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	300	12.385	3.685.500	22.176	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
168	Chi chất dính tu từ tăng gấp đơn sợi, số 4/0 đầu 75cm, kim tròn 26mm, 12C PD15A26	Chi ProSeach (Polydisulfone) đơn sợi, số 4/0 đầu 75cm, kim tròn 26mm, 12C PD15A26	N05.02.05 0.1141.000 .0017	Chi ProSeach (Polydisulfone) số 4/0, kim tròn, dài 75 cm, PD15A26	Chi tuấn chân ống loại đơn sợi polydisulfone số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat	PD15A26	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 12 cặp	Tập	360	75.600	27.216.000	128.520	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
169	Chi tuấn chân tu nhựa, đơn sợi số 2/0, dài từ 75cm, kim tròn 36mm C30A36	Chi Transgel (C) (Chromic Caprol) đá 2/0, dài 75 cm, kim tròn 36mm, C30A36	N05.02.04 0.1141.000 .0029	Chi tuấn chân tu nhựa Transgel (C) (Chromic Caprol) đá 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 36 mm	Chi tuấn chân tu từ nhựa chromic caprol số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 12C, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon XinCoat, mặt kim UltraGlyde. Chi làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dẻo nên. Đồng gói bằng giấy dệt tăng độ bền (100 micron) độ bền cao, ngăn khóa liên quả XinCoat	C30A36	Công ty TNHH Châu phân thuốc CPT	Viet Nam	Hộp 24 cặp	Tập	1.500	26.250	39.375.000	43.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	Tên hàng hóa mặt khác	Tên hàng hóa thủ (Tên thương mã)	Mã VTYT theo Quyết định số 586/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 586/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chung loại (Mã), ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thừa	Thành tiền	Giá năm yếu tố hàng đầu Nguyệt định số 07/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
170	Chỉ tiêm chẩn trị Chronic Caregut số 20, kim tiêm đài 24 mm, C30E24	Chỉ tiêm chẩn trị Chronic Caregut số 20, kim tiêm đài 24 mm, C30E24	N05.02.05 0.1141.000 .0034	Chỉ Trustigut (C) (Chronic Caregut) số 20, kim tiêm đài 24 mm, C30E24	Chỉ tiêm chẩn trị nhân chronic catgut số 20, dài 75 cm, kim tiêm góc 30°, dài 24 mm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm để uốn. Đồng gói bằng giấy (tuyệt tương 80gam) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Kim thép 302 phủ silicon, mặt vuốt nhẵn UltraGlyde	C30E24	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/24 cặp	Tập	1.360	25.095	34.129.200	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
171	Chỉ phẫu thuật Chronic Caregut số 40, kim tiêm đài 26 mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật Chronic Caregut số 40, kim tiêm đài 26 mm, 1/2C	N05.02.03 0.1141.000 .0273	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 40, dài 95 cm, 2 kim tròn 1/2°, dài 26 mm	Chỉ không tiêm tổng hợp polypropylene số 40, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2°, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon nhẵn Base Track gần nhẵn hình. Kim thép 302 phủ silicon UltraCoat, mặt kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy (tuyệt tương 80gam) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả UltraCoat	FP15AA26L90X	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/12 cặp	Tập	360	63.000	22.680.000	107.100	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
172	Chỉ không tiêm nhân da rơi Steris (SIR) 1 đài 75cm, kim lớn 1/2° 1/2C 26mm	Chỉ Carealtk (SIR) số 1, kim tròn, dài 75 mm, S40A26	N05.02.03 0.1141.000 .0238	Chỉ Carealtk (SIR) số 1, kim tròn, dài 75 mm, S40A26	Chỉ không tiêm tự nhiên silk số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2°, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon UltraCoat, mặt kim UltraGlyde. Đồng gói bằng giấy (tuyệt tương 80gam) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	S40A26	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/24 cặp	Tập	1.000	20.895	20.895.000	37.800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
173	Chỉ phẫu thuật tiết trùng, tự tuyệt 75, kim đầu đài 10 mm	Chỉ Prostorb (Polydioxanone) số 70, dài 75 cm, kim tròn, dài 10 mm, P305LL10	N05.02.05 0.1141.000 .0201	Chỉ Prostorb (Polydioxanone) số 70, dài 75 cm, 2 kim tròn, dài 10 mm, P305LL10	Chỉ tự chữa lành hợp kim sợi polydioxanone số 70, dài 75 cm, 2 kim tròn đầu chỉ CC 30°, dài 10 mm. Kim thép 302 phủ silicon UltraCoat	P305LL10	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/12 cặp	Tập	100	141.750	14.175.000	240.975	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
174	Chỉ tiêm chẩn 30 kim tròn 26 đài 26 mm, C25A26	Chỉ Trustigut (C) (Chronic Caregut) số 30, kim tròn, đài 26 mm, C25A26	N05.02.04 0.1141.000 .0030	Chỉ tiêm chẩn trị Chronic Caregut (Chronic Caregut) số 30, dài 75 cm, kim tròn 1/2°, dài 26 mm	Chỉ tiêm chẩn trị nhân chronic catgut số 30, dài 75 cm, kim tròn 1/2°, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon UltraCoat, mặt kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm để uốn. Đồng gói bằng giấy (tuyệt tương 80gam) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả UltraCoat	C25A26	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/24 cặp	Tập	1.500	25.200	37.800.000	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
175	Chỉ tiêm chẩn 40 kim tròn 22 đài 22 mm, C20A22	Chỉ Trustigut (C) (Chronic Caregut) số 40, kim tròn, đài 22 mm, C20A22	N05.02.05 0.1141.000 .0042	Chỉ Trustigut (C) (Chronic Caregut) số 40, kim tròn, đài 22 mm, C20A22	Chỉ tiêm chẩn trị nhân chronic catgut số 40, dài 75 cm, kim tròn 1/2°, dài 22 mm. Kim thép 302 phủ silicon UltraCoat, mặt kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm để uốn. Đồng gói bằng giấy (tuyệt tương 80gam) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	C20A22	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Việt Nam	Hộp/24 cặp	Tập	370	25.515	9.440.550	45.360	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	Tên hàng hóa mặt hàng	Tên hàng hóa dự thầu (Tên thương mã)	Mã VATYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT BYT	Tên VYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Mô tả), kỹ mã hiệu sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung bình	Thành tiền	Giá niêm yết hàng hóa (theo Quyết định số 67/2023 QĐ-CP)	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
176	Chỉ tun đa sợi (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Takson 910 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	N05.02.09 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Takson 910 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi polypropylene 910, phủ Polyethylene-co-1, hexidyl (30/70) và Calcium Stearate, số 0,141.000, (đây là sản phẩm có độ bền > 65% sau 14 ngày, sau hoàn toàn 56-70 ngày), kim tôn 1/2C, đai 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XeroxCoat, mặt kim UltraDryCo Chống thấm US-FDA tương đương Virogel	GT040AQL50 GT040AQL50	Công ty TNHH Chỉ phân thuốc CPT	Việt Nam	Hộp/12 hộp	Tập	2.000	34.860	69.720.000	38.695	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
177	Chỉ tun đa sợi (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Cacocel (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	N05.02.04 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi Cacocel (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi polypropylene 910, phủ Polyethylene-co-1, hexidyl (30/70) và Calcium Stearate, số 0,141.000, (đây là sản phẩm có độ bền > 65% sau 14 ngày, sau hoàn toàn 56-70 ngày), kim tôn 1/2C, đai 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XeroxCoat, mặt kim UltraDryCo Chống thấm US-FDA tương đương Virogel	GT40AQL50 GT40AQL50	Công ty TNHH Chỉ phân thuốc CPT	Việt Nam	Hộp/12 hộp	Tập	2.000	50.400	100.800.000	85.680	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
178	Chỉ tun đa sợi (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Cacocel (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	N05.02.04 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi Cacocel (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi polypropylene 910, phủ Polyethylene-co-1, hexidyl (30/70) và Calcium Stearate, số 0,141.000, (đây là sản phẩm có độ bền > 65% sau 14 ngày, sau hoàn toàn 56-70 ngày), kim tôn 1/2C, đai 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XeroxCoat, mặt kim UltraDryCo Chống thấm US-FDA tương đương Virogel	GT30A26 GT30A26	Công ty TNHH Chỉ phân thuốc CPT	Việt Nam	Hộp/12 hộp	Tập	480	47.250	22.680.000	80.325	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
179	Chỉ tun đa sợi (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Treadline (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	N05.02.03 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Treadline (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi polypropylene 910, phủ Polyethylene-co-1, hexidyl (30/70) và Calcium Stearate, số 0,141.000, (đây là sản phẩm có độ bền > 65% sau 14 ngày, sau hoàn toàn 56-70 ngày), kim tôn 1/2C, đai 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XeroxCoat, mặt kim UltraDryCo Chống thấm US-FDA tương đương Virogel	PT35A30X PT35A30X	Công ty TNHH Chỉ phân thuốc CPT	Việt Nam	Hộp/12 hộp	Tập	480	54.600	26.208.000	93.713	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTON VIỆT NAM															
180	Chỉ tun đa sợi (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Treadline (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	N05.02.04 (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ Treadline (Polypropylene) số 0,141.000 đai 90 cm, kim tôn 1/2C, 40mm 26 mm	Chỉ tun tổng hợp đa sợi polypropylene 910, phủ Polyethylene-co-1, hexidyl (30/70) và Calcium Stearate, số 0,141.000, (đây là sản phẩm có độ bền > 65% sau 14 ngày, sau hoàn toàn 56-70 ngày), kim tôn 1/2C, đai 26 mm, Kim thép 302 phủ silicon XeroxCoat, mặt kim UltraDryCo Chống thấm US-FDA tương đương Virogel	GT1 GT1	Công ty TNHH Chỉ phân thuốc CPT	Việt Nam	Hộp/12 hộp	Tập	480	12.600	7.560.000	18.900	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTON VIỆT NAM

STT	Tên hàng hoá mới thay	Tên hàng hóa theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Mã VTYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thừa	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023 NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
181	Găng phẫu thuật tuyệt trùng có size (6,0 - 6,0) bột	Găng tay phẫu thuật tuyệt trùng có bột	N03.06.05 0.5481.000 .0001	Găng tay cao su ni lông phẫu thuật trung cỡ bột	GPBT760 GPBT765 GPBT770 GPBT775 GPBT780	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ MB Regentox Việt Nam	Viet Nam	01 đôi/hộp 50 túi/hộp	đôi	65.000	2.850	185.900.000	4.700	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTOX VIỆT NAM
182	Găng khám cầm tuyệt trùng có size từ cỡ nhỏ	Găng tay cao su y tế có bột	N03.06.03 0.6456.000 .0002	Găng tay cao su y tế có bột	GLBMCXSX GLBMCSSS GLBMCSIM GLBM/CSSL	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ MB Regentox Việt Nam	Viet Nam	50 đôi/hộp	đôi	1.000.000	889	889.000.000	1.310	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTOX VIỆT NAM
183	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng kháng khuẩn Triclosan số 40, dài 75cm, kim tròn 1/2C, kim Premium.	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Sumamed N05.02.04 0.6265.239 .0029	Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 40, dài 75cm, kim tròn 1/2C, kim Premium.	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Sumamed N05.02.04 0.6265.239 .0029	POA40MR2675	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	360	65.100	23.436.000	78.120	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
184	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin acid, có chất kháng kháng khuẩn Triclosan số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Sumamed N05.02.04 0.6265.239 .0029	Polyglactin acid, có chất kháng khuẩn Triclosan số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phẫu thuật từ tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin acid có chất kháng khuẩn Triclosan số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium, bao ngoài là nilon, phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. Thành phần Polyglycolic Acid (Glycolic acid), được bao bọc bởi Ethylene oxide, Triclosan 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PPA01MR4090	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	1.000	66.150	66.150.000	79.380	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI



STT	Tên hàng hoá mặt hàng	Tên hàng hóa dự kính (Tên thương mại)	Mã VAT theo Quyết định số 588/QĐ-BYT	Tên VAT theo Quyết định số 588/QĐ-BYT	Thông tin kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã biểu sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị đo lường	Số lượng	Đơn giá trung bình	Thành tiền	Giá năm vết theo biểu giá Nghiên cứu số 07/2023 /ND-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
185	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid, có chất chống khuẩn Tritolan số 20, đạt 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium. 0.4265.239 0.0072	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium, được đóng gói 12-đơn, gói silicon và hộp không gỉ AISI 302. Thanh phần Polypropylene Acid (Glycolic acid), được bao phủ Polypropylene 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PAA20MR6570	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	120	66.150	7.938.000	79.380	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
186	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid, có chất chống khuẩn Tritolan số 20, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium. 0.4265.239 0.0073	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid có chất kháng khuẩn Tritolan số 20, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium, được đóng gói 12-đơn, gói silicon và hộp không gỉ AISI 302. Thanh phần Polypropylene Acid (Glycolic acid), được bao phủ Polypropylene 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PAA20MR6575	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	120	61.000	7.560.000	75.600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
187	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid, có chất chống khuẩn Tritolan số 30, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 30, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 30, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium. 0.4265.239 0.0074	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 30, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid có chất kháng khuẩn Tritolan số 30, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium, được đóng gói 12-đơn, gói silicon và hộp không gỉ AISI 302. Thanh phần Polypropylene Acid (Glycolic acid), được bao phủ Polypropylene 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PAA30MR6575	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	360	63.000	22.680.000	75.600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
188	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid, có chất chống khuẩn Tritolan số 40, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 40, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 40, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium. 0.4265.239 0.0075	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 40, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid có chất kháng khuẩn Tritolan số 40, đạt 75cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium, được đóng gói 12-đơn, gói silicon và hộp không gỉ AISI 302. Thanh phần Polypropylene Acid (Glycolic acid), được bao phủ Polypropylene 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PAA40MR6575	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	200	61.000	12.600.000	75.600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
189	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid, có chất chống khuẩn Tritolan số 1, đạt 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 1, đạt 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 1, đạt 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium. 0.4265.239 0.0018	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Sunnerd Polypropylene acid, có chất kháng khuẩn Tritolan số 1, đạt 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium.	Chi phần thiết từ trên cùng hộp da sợi Polypropylene acid có chất kháng khuẩn Tritolan số 1, đạt 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium, được đóng gói 12-đơn, gói silicon và hộp không gỉ AISI 302. Thanh phần Polypropylene Acid (Glycolic acid), được bao phủ Polypropylene 370 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	CGA01MR6050	Unilene	Peru	Hộp 12 tép	Tép	1.500	68.250	102.375.000	81.900	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI

STT	Tên hàng hoá mới thêm	Tên hàng hoá cũ (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng thầu	Thành tiền	Giá năm yết theo hướng dẫn Nghi định số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
190	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 0.4265.239 .0023	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 20 dai 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C, kim Premium, theo công nghệ U- fib, phủ silicon và tiếp không gỉ AISI 302. Thành phần Poly (Glycolide-co-L-lactide)90-10, được bao phủ Poly (Glycolide-co-L-lactide)30-70 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PGA20MR3690	Unilene	Peru	Hộp/ 12 tép	Tép	240	68.250	16.380.000	81.960	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
191	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 0.4265.239 .0025	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 20, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 20 dai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, theo công nghệ U- fib, phủ silicon và tiếp không gỉ AISI 302. Thành phần Poly (Glycolide-co-L-lactide)90-10, được bao phủ Poly (Glycolide-co-L-lactide)30-70 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PGA20MR2675	Unilene	Peru	Hộp/ 12 tép	Tép	240	65.100	15.624.000	78.120	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
192	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 30, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 30, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	N05.02.04 0.4265.239 .0027	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Sunmed Polyglactin, có chất kháng khuẩn khả năng Triclosan số 30, đai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp da sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 30 dai 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, theo công nghệ U- fib, phủ silicon và tiếp không gỉ AISI 302. Thành phần Poly (Glycolide-co-L-lactide)90-10, được bao phủ Poly (Glycolide-co-L-lactide)30-70 và Calcium Stearate. Được khử trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO.	PGA30MR2675	Unilene	Peru	Hộp/ 12 tép	Tép	1.080	65.100	70.308.000	78.120	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI
193	Tấm dán cơ Ovalplate dùng 1 lần hoặc tương đương	Tấm dán cơ trên da Ovalplate dùng 1 lần	N05.03.01 0.5050.107 .0002	Tấm dán cơ trung tính Ovalplate dùng 1 lần	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Kéo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film, Kích thước: 160mmx122mm; Độ dày: ≤ 1mm, Diện tích bề mặt dán 148cm ² , Điện tích vùng dính: 105cm ² , Trão kháng 1,0 Ohm tại 600kHz; Độ ẩm nhiệt trong 60s: <4°C/70mmA. Tiêu chuẩn FDA, FSC, CE, ISO	1220H	Nissha	Aus	Gói/ 5 miếng	Miếng	500	52.500	26.250.000	71.795	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VAVI

STT	Tên hàng hóa mô tả	Tên hàng hóa dự thầu (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết Định số 596/QĐ- BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 596/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá riêng thầu	Thành tiền	Giá tiền yết theo hướng dẫn Nghi định số 07/2023 /HĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
201	Dung cụ định vị bệnh nhân (Dùng cụ kê ngường - đầu ngực có vết)	Dung cụ định vị bệnh nhân (Dùng cụ kê ngực có vết)	-	-	Vật liệu: Gel polyurethane có thể tái sử dụng - Hỗ trợ vai và phần cánh tay trên, tạo sự thoải mái cho bệnh nhân trong quá trình phẫu thuật - Thiết kế có đường xoắn, tạo sự ổn định tối ưu cho bệnh nhân - Kích thước: 50 X 16 X 119 (cm)	AT049-3	Liberich Corporation	Hàn Quốc	1 Cái / Hộp	Cái	2	16.000.000	32.000.000	33.600.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Y TẾ MIỀN BẮC
202	Dung cụ định vị bệnh nhân (Dùng hỗ trợ nằm ngang - đầu trên)	Dung cụ định vị bệnh nhân (Dùng hỗ trợ nằm trên)	-	-	Vật liệu: Gel polyurethane có thể tái sử dụng - Hỗ trợ vai và phần cánh tay trên, tạo sự thoải mái cho bệnh nhân trong quá trình phẫu thuật - Thiết kế có đường xoắn, tạo sự ổn định tối ưu cho bệnh nhân - Kích thước: 50 X 16 X 119 (cm)	AP101	Liberich Corporation	Hàn Quốc	1 Cái / Hộp	Cái	1	16.000.000	16.000.000	16.800.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Y TẾ MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN NIÊN															
203	Màng nơ dân liền rô tương	Màng phẫu thuật y tế	N02.03.10 0.332.271 .0001	Màng phẫu thuật y tế	Màng film Polyester cao cấp không khuẩn, ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ • Kích thước màng: 50cm x 15cm • Kích thước đóng gói: 20 cm x 40 cm • Đóng gói vô trùng trong túi chống ẩm thủy, tỷ trọng 0,01 g/m², văng từ bên ngoài một cách dễ dàng	HU044500A	Wuhan Huawei Technology Co., Ltd	Trung Quốc	20 miếng/ bộ	Miếng	100	135.000	13.500.000	180.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐIỆN NIÊN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH AN															
204	Nhu nước bôi ấm dao	Dung dịch bôi trơn động cụ y tế - POSE-JEL	N01.02.05 0.332.271 .0010	Dung dịch bôi trơn động cụ y tế - POSE-JEL	-Thành phần: Gelling agent < 1%, Glycerin < 10%, Propylene glycol < 10%, Other inert agent and DI water q.s. to 100%, PH 6.5-7.5 -Dùng để bôi trơn cho dụng cụ y tế khi đưa vào cơ thể như đưa qua âm đạo, thực quản, tiết niệu... Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn, không mùi, không dị ứng, dễ rửa... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	POSE-JEL	Pose Health Care Co., Ltd.	Thái Lan	Tuyp 50g	Tuyp	10	30.000	300.000	30.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH AN
205	Gel bôi trơn dụng cụ	Dung dịch bôi trơn động cụ y tế - POSE-JEL 5g	N01.02.05 0.332.271 .0005	Dung dịch bôi trơn động cụ y tế - POSE-JEL 5g	-Thành phần: Gelling agent < 1%, Glycerin < 10%, Propylene glycol < 10%, Other inert agent and DI water q.s. to 100%, PH 6.5-7.5 -Dùng để bôi trơn cho dụng cụ y tế khi đưa vào cơ thể như đưa qua âm đạo, thực quản, tiết niệu... Gel bôi trơn gốc nước, không nhờn, không mùi, không dị ứng, dễ rửa... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	POSE-JEL	Pose Health Care Co., Ltd.	Thái Lan	Gói 5g	Gói	2.120	9.200	19.504.000	9.500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH AN

STT	Tên hàng hóa mô tả	Tên hàng hóa thủ (Tên thương mại)	Mã VTVT theo Quyết Định số 586/QĐ- BYT	Tên VTVT theo Quyết Định số 586/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thừa	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Nghi định số 07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN															
211	Lưới điều trị thoát vị polypropylene kích thước 6x11cm	Lưới điều trị thoát vị Tridene Mesh (6 x11)cm	N06.05.02 0.2365.115 .0001	Lưới điều trị thoát vị Tridene Mesh (6 x11)cm	Chất liệu 100% Polypropylene kích thước (6 x11)cm Độ dày: 0,65 ± 0,75 mm Kích thước: 6x11 cm ± 0,7 mm Độ đàn hồi: 120%/cm Tiêu chuẩn ISO/CE	TVM611	Healthium Medtech Limited	Ấn Độ	Hộp 06 Miếng	miếng	220	250.000	55.000.000	360.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
212	Lưới điều trị thoát vị polypropylene kích thước 10x15cm	Lưới điều trị thoát vị Tridene Mesh (10 x15)cm	N06.05.02 0.2365.115 .0003	Lưới điều trị thoát vị Tridene Mesh (10 x15)cm	Chất liệu 100% Polypropylene kích thước (10 x15)cm Độ dày: 0,65 ± 0,75 mm Kích thước: 10x15 cm ± 0,7 mm Độ đàn hồi: 120%/cm Tiêu chuẩn ISO/CE	TVM115	Healthium Medtech Limited	Ấn Độ	Hộp 03 Miếng	miếng	50	350.000	17.500.000	678.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
213	Bơm tiêm 31Gx0,75mm cồn khử trùng 10,5ml, lõi 0,5ml, lõi	BD Ultra-Fine™ Insulin Syringe	N03.01.06 0.0389.175 0.012	N03.01.06 0.0389.175 0.012	- Dụng cụ tiêm Ultra-Fine với kim và 3 ml - Tiêu chuẩn ISO/CE - Đường kính nhỏ 31G, đầu kim siêu siêu - Chiều dài kim ngắn, thuận tiện để tiêm vào cơ - Vành chặn tổng đơn vị đơn và rõ nét - 0,5ml và 1ml đóng gói riêng lẻ từng cái - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFS, FDA	316574	BD Medical - Diabetes Care	Mỹ	100 củ/hộp	Củ	500.000	3.300	1.650.000.000	3.960	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH															
214	Nẹp cổ cứng (cột cổ)	Nẹp cổ cứng	N07.06.05 0.132.000 .0023	Nẹp cổ cứng	Chức năng: Cố định cột sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mica EVA, khoa Vetro, hệ thống dây và ngạt nháp	Giũa 002	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Việt Nam	Việt Nam	Túi 1 cái	Cái	15	89.250	1.338.750	128.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH															
215	Khăn vải mủ giặt tẩy trùng 1,5m x 2,5m có hộp đựng đựng	Khăn phủ thuật (150x250 cm K174) 0.032	N00.00.00 0.120.000 .0032	Khăn phủ thuật (150x250 cm K174) 0.032	Chất liệu: vải không dệt Polypropylene, không thấm nước, Độ dày của vải ≥ 40gram/m ² , Kích thước: 150cm x 250cm, Tuyệt trùng bằng khí EO. Bao bì chỉ thi tiết trùng. Đóng gói: 1 cái/gói. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	KH01-150x250 K174	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	1.240	12.980	16.095.200	19.800	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
216	Khăn vải mủ giặt tẩy trùng 0,6m x 0,8m có lỗ tròn hoặc vuông	Khăn phủ thuật (60x80-10 K174) 0.033	N00.00.00 0.120.000 .0033	Khăn phủ thuật (60x80-10 K174) 0.033	Chất liệu: vải không dệt Polypropylene, không thấm nước, Độ dày của vải ≥ 40gram/m ² , Kích thước: 60cm x80cm, có khoét lỗ tròn, đường kính lỗ 100mm Vải có màu xanh, Tuyệt trùng bằng khí EO. Bao bì chỉ thi tiết trùng. Đóng gói: 1 cái/ gói. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	KH02-60x80-10 K174	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	3.000	2.468	7.404.000	11.550	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH

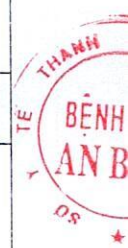
[illegible]

STT	Tên hàng hóa mua sắm	Tên hàng hóa đấu thầu (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng loại (Model), Ký mã hiệu sản phẩm	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu	Thành tiền	Giá theo hướng dẫn đấu thầu tại khoản 4.6/7/2023/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
223	Ly nhà	Ly nhà				LY 399	Tân Hiệp Hưng	Việt Nam	50 cái/gói	Cái	10.000	176	1.760.000	-	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
224	Bao da màu sắc phù (DA dệt trong)	Túi da màu sắc sinh	N03.07.02 0.1620.000 .0001	Túi da màu sắc sinh	Chất liệu: nhựa PE trong, có kiểm định không độc tố Quinac 3, kiểm định không DEHP. Đặc điểm: Thiết kế lật dưới miệng sản phẩm, có băng keo dính giúp không trượt. Có vạch chia để đo dung tích màu sắc sinh (từ 250 ml đến 2000 ml) Tuyệt vời trong băng keo OE. Đồng thời: 1 cái/gói Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trung thiết bị y tế loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	BG11	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 cái/gói	Cái	1.000	5.235	5.235.000	9.450	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
225	Ông thông nhện trong 8mm chứa kết tủa (ống dẫn lưu PVC dùng hút dịch ở bụng thành ống dây chằng được áp lực máy hút, không bị bẹp)	Dây hút dịch cuộn 8mm	N04.02.06 0.1620.000 .0003	Dây hút dịch cuộn 8mm	Chất liệu: nhựa PVC chính phẩm, có gân, mềm mại, tránh xoắn vặn, không mảy mềo. Đường kính trong 8 mm, đường kính ngoài 10 mm Đặc điểm: Ống dây mềm dẻo, không bị rò rỉ, thành ống dày chịu được áp lực máy hút, không bị bẹp khi hút dịch, không bị tắc nghẽn, không xoắn mềo. Kích thước: đường kính trong 8 mm, dài 40 mét Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trung thiết bị y tế thuộc loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	DX08	Thời Thanh Bình	Việt Nam	40 mét/ cuộn	Mét	30.000	2.838	85.140.000	5.250	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
226	Bao dây dẹt 75mm	Bao dây cân dẹt	N00.00.00 0.1620.000 .0071	Bao dây cân dẹt	hải liệu: Màng nhựa PE chính phẩm, không chất độc hại; kim loại nặng, không có chất DEHP, có vòng nhựa. - Kích thước: 75mm x 250cm - Đồng gói bằng giấy ép tết trong có in chỉ thị tết trong. - Tết trong bằng kim loại. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trung thiết bị y tế thuộc loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	BT03	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 cái/gói	Cái	300	4.830	1.449.000	8.820	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
227	Bao dây ống camera sợi sợi 150mm - 180mm	Bao dây camera (vòng thun)	N08.00.05 0.1620.000 .0002	Bao dây camera (vòng thun)	hải liệu: Màng nhựa PE chính phẩm, không chất độc hại; kim loại nặng, không có chất DEHP, có vòng thun. - Kích thước: 150mm x 200cm - Đồng gói bằng giấy ép tết trong có in chỉ thị tết trong. - Tết trong bằng kim loại. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trung thiết bị y tế thuộc loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	BT01-02	Thời Thanh Bình	Việt Nam	1 cái/gói	Cái	1.000	5.350	5.350.000	12.600	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
228	Ông hút nước bọt	Ông hút nước bọt	N04.02.06 0.1620.000 .0005	Ông hút nước bọt	Chất liệu: nhựa PVC chính phẩm, chưa tẩy, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng. Sử dụng 1 lần, dùng hút nước bọt trong nhà khoa. Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 14cm Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hệ số công bố tiêu chuẩn áp dụng của trung thiết bị y tế thuộc loại A, Tiêu chuẩn cơ sở.	QH01	Thời Thanh Bình	Việt Nam	100 cái/gói	Cái	10.000	588	5.880.000	1.260	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH

[illegible]

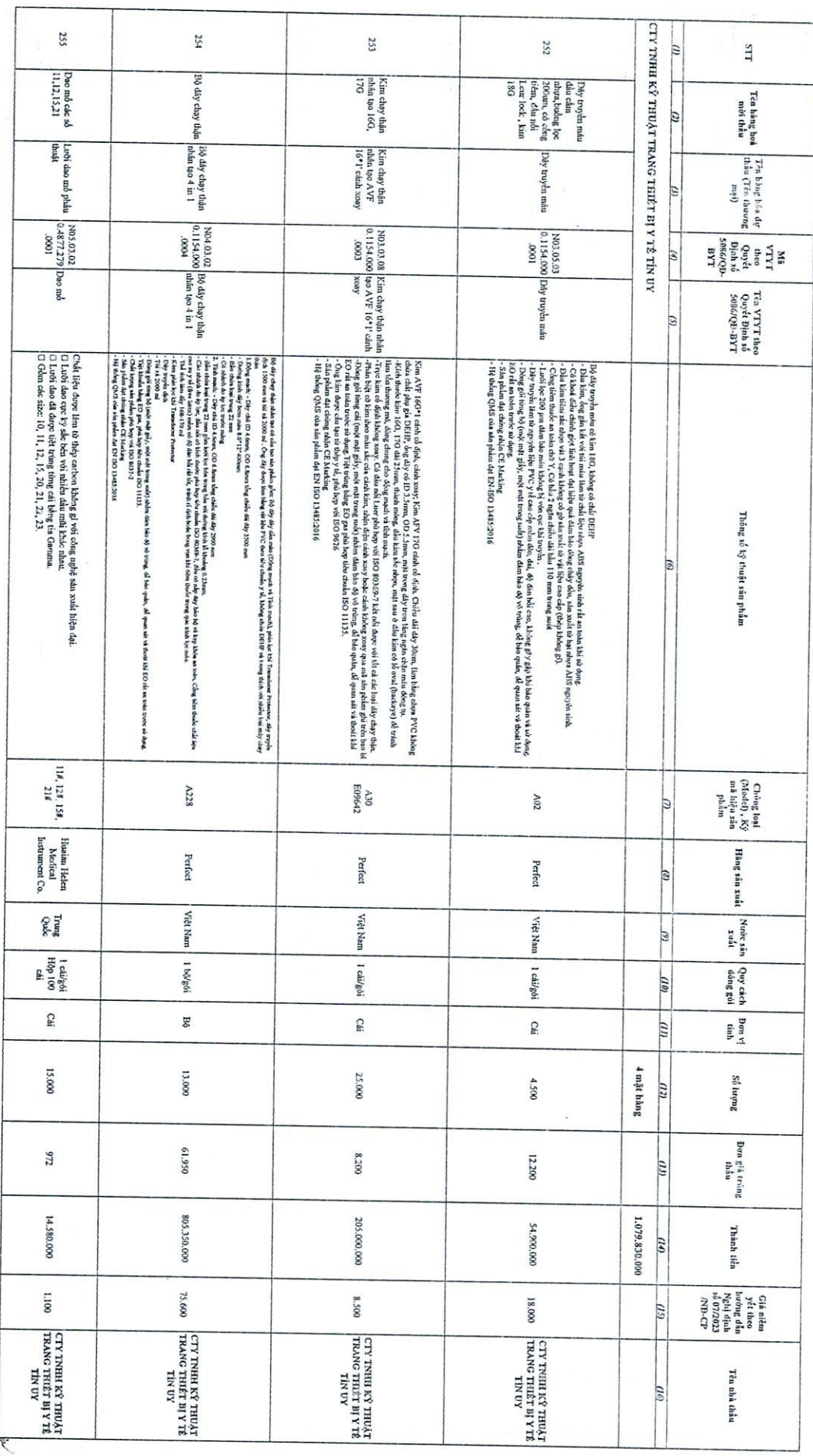
STT	Tên hàng hóa (mô tả)	Tên hàng hóa dự thầu (tư tưởng)	Mã VTYT theo Quyết Định số 50/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chứng báo (Hàng) - Ký nội hợp sản phẩm	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trong thầu	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
234	Túi hấp (ép phẳng) và túi 300mm x 100m	Túi ép phẳng tết trong 300mm x 100m	N03.07.03 0.5468.000 .0010	Túi ép phẳng tết trong 300mm x 100m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film (PET/CPP) - Kích cỡ: 300mm x 100m - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Phù hợp cho 2 loại túi trong bằng khí khi EO và tia plasma - Túi trong bằng khí EO với nhiệt độ 30-45°C, màu sắc thay đổi từ hồng sang vàng/nâu hoặc các màu sắc dễ nhận biết khác - Túi trong bằng hơi nước 121-134 độ, màu sắc thay đổi từ xanh sang đen - TCCL ISO	Heat - sealing Gusseted Feed	Chi nhánh Công ty TNHH được phân Quốc tế tại Long An	Thùng 2 cuộn	Cuộn	100	590.000	59.000.000	930.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHÂN QUỐC TẾ
235	Túi hấp (ép phẳng) và túi 350mm x 100m	Túi ép phẳng tết trong 350mm x 100m	N03.07.03 0.5468.000 .0010	Túi ép phẳng tết trong 350mm x 100m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film (PET/CPP) - Kích cỡ: 350mm x 100m - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Phù hợp cho 2 loại túi trong bằng khí khi EO và tia plasma - Túi trong bằng khí EO với nhiệt độ 30-45°C, màu sắc thay đổi từ hồng sang vàng/nâu hoặc các màu sắc dễ nhận biết khác - Túi trong bằng hơi nước 121-134 độ, màu sắc thay đổi từ xanh sang đen - TCCL ISO	Heat - sealing Gusseted Feed	Chi nhánh Công ty TNHH được phân Quốc tế tại Long An	Thùng 2 cuộn	Cuộn	100	690.000	69.000.000	1.200.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHÂN QUỐC TẾ
236	Túi hấp (ép phẳng) và túi 250mm x 200m	Túi ép dẹp tết trong 250mm x 200m	N03.07.03 0.5468.000 .0015	Túi ép dẹp tết trong 250mm x 200m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film (PET/CPP) - Kích cỡ: 250mm x 200m - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Phù hợp cho 2 loại túi trong bằng hơi nước và khí EO cho các dụng cụ đun là hoặc bằng khí FORM theo yêu cầu - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Túi trong bằng khí EO với nhiệt độ 30-45°C, màu sắc thay đổi từ hồng sang vàng - Túi trong bằng hơi nước với nhiệt độ 121-132°C, màu sắc thay đổi từ xanh lam nhạt sang đen - Túi trong bằng khí FORM với nhiệt độ 60-80°C, màu sắc thay đổi từ đỏ sang xanh nhạt - TCCL ISO	Heat - sealing Flat Feed	Chi nhánh Công ty TNHH được phân Quốc tế tại Long An	Thùng 2 cuộn	Cuộn	150	400.000	60.000.000	1.200.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHÂN QUỐC TẾ
237	Túi hấp (ép phẳng) và túi 250mm x 200m	Túi ép dẹp tết trong 250mm x 200m	N03.07.03 0.5468.000 .0016	Túi ép dẹp tết trong 250mm x 200m	Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film (PET/CPP) - Kích cỡ: 250mm x 200mm - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Phù hợp cho 2 loại túi trong bằng hơi nước và khí EO cho các dụng cụ đun là hoặc bằng khí FORM theo yêu cầu - Trọng lượng giấy: > 60gsm - Độ dày của màng film: 50µm ± 2µm - Túi trong bằng khí EO với nhiệt độ 30-45°C, màu sắc thay đổi từ hồng sang vàng - Túi trong bằng hơi nước với nhiệt độ 121-132°C, màu sắc thay đổi từ xanh lam nhạt sang đen - Túi trong bằng khí FORM với nhiệt độ 60-80°C, màu sắc thay đổi từ đỏ sang xanh nhạt - TCCL ISO	Heat - sealing Flat Feed	Chi nhánh Công ty TNHH được phân Quốc tế tại Long An	Thùng 2 cuộn	Cuộn	150	500.000	75.000.000	1.430.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHÂN QUỐC TẾ

NO. CH.1



STT	Tên hàng hoá mới đầu	Tên hàng hoá theo (Tên thường m)	Mã theo Quốc Định 566/QĐ- BYT	Tên VTYT theo Quốc Định 566/QĐ-BYT	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
238	Túi ép diệt vi khuẩn (túi tường 75mm x 20mm x 20mm)	Túi ép diệt vi khuẩn tường 75mm x 20mm	N03.03 0.566.000 0.012	Túi ép diệt vi khuẩn tường 75mm x 20mm	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
239	Gậy đo điện tần 1 cân 50mm x 30mm	Gậy đo điện tần 1 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.038	Gậy đo điện tần 1 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
240	Gậy đo điện tần 3 cân 60mm x 30mm	Gậy đo điện tần 3 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.017	Gậy đo điện tần 3 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
241	Gậy đo điện tần 6 cân	Gậy đo điện tần 6 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.062	Gậy đo điện tần 6 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
242	Gậy đo điện tần 10 cân (10mm x 20mm)	Gậy đo điện tần 10 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.179	Gậy đo điện tần 10 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
243	Gậy đo điện tần 150 cân (150mm x 160mm)	Gậy đo điện tần 150 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.099	Gậy đo điện tần 150 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
244	Gậy đo điện tần 12 cân	Gậy đo điện tần 12 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.026	Gậy đo điện tần 12 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
245	Gậy đo điện tần 3 cân 80mm x 20mm	Gậy đo điện tần 3 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.021	Gậy đo điện tần 3 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất
246	Gậy đo điện tần 700 cân	Gậy đo điện tần 700 cân	N00.00.00 0.5266.279 0.063	Gậy đo điện tần 700 cân	Thùng, số lượng sản phẩm	Chứng loại (Gói, túi, mã hiệu sản phẩm)	Hiệu sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung tham	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Ngày định 15/07/2023 /NĐ-CP	Tên nhà sản xuất

STT	Tên hàng hoá mới thầu	Tên hàng hoá thuê (Tên thương mại)	Mã VTYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Tên VTYT theo Quyết Định số 5086/QĐ-BYT	Thông số kỹ thuật sản phẩm	Chủng loại (Mã loại) - Kỹ mã hiệu sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền	Giá niêm yết theo hướng dẫn Nghị định số 07/2023/NĐ-CP	Tên nhà thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
247	Kim châm cứu	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles)	N03.04.01 0.33x0.279 .0001	Kim Châm cứu (Sterile Acupuncture needles)	Kim châm cứu cán đồng các cỡ, đóng gói dụng cụ nhôm	Sterile Acupuncture needles	Wujiang	Trung Quốc	Hộp 100 cái	Cái	400.000	280	112.000.000	500	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUỘC PHẠM QUỐC TẾ
248	Miếng dán máu 80 x 50 x 10 mm	Miếng dán máu (SPONJEL)	N02.04.05 0.4822.272 .0001	Miếng dán máu (SPONJEL)	Vải liệu dán máu mới - Chất liệu: Polypropylene Alkylated (PPVA) - Kích thước: 8 x 2 x 1,5 cm - Kích thước lỗ tiêm: 0,800mm - 0,2mm giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng kéo hoặc bằng tay. - 100% không chứa xơ - Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng. - Khả năng nở rộng dưới áp lực uốn mao. - Đóng gói: 10 miếng, hút chân không - TCCL: ISO, CE	SPONJEL/SIF510	GENCO TIBBI	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 20 miếng	Miếng	410	51.000	20.910.000	150.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DUỘC PHẠM QUỐC TẾ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ EMC															
249	Bộ tiêm chính FAV	Bộ tiêm chính FAV Basic tiết trùng	N00.00.00 0.0795.000 .0032	Bộ tiêm chính FAV Basic tiết trùng	Gồm: - Gói 1: Gạc thấm nhân tạo 3.5cm x 4.5cm x 40 lớp (02 gói) được làm từ gạc hút nước 100% cotton có độ thấm hút cao, có chỉ số sơ độ và ngang là 32/1. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Gói 2: + Khăn chống thấm 40cm x 45cm (01 cái), chất liệu lụa là vải không dệt chống thấm. + Gạc lót đặc 3.5cm x 5cm x 4 lớp (07 cái). Nguyên liệu gạc không dệt tẩm nước, mặt trong được phủ màng không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp (04 cái). Nguyên liệu gạc không dệt tẩm nước, mặt ngoài phủ màng không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp (04 cái). Đóng gói: túi ép, hàn kín miệng, không rò rỉ, đặt trong bóng khí EO gas	13339	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	1 bộ/gói	Bộ	5.000	6.216	31.080.000	17.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ EMC
250	Bộ xô 05 tai	Gai xô 05 tai	N00.00.00 0.0145.000 .0009	Gai xô 05 tai	Gồm: - Bông 3x3cm: 2 miếng - Que tăm bông: 1 que - Bộ kim chỉ: 1 bộ (2 kim) - Bông thấm hút tã, kim sắc bén, không rỉ sét - Đóng gói: túi PE, hàn kín miệng, không chất đặc hại độc hại, tiết trùng	GXLT	Đông Hợp Tiến	Việt Nam	Bộ/gói	Bộ	1.000	4.620	4.620.000	15.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ EMC
251	Khẩu trang N95	Khẩu trang y tế BBT-N95TM	N08.00.31 0.0795.000 .0010	Khẩu trang y tế BBT-N95TM không tiết trùng	Gồm 4 lớp: - Lớp 1: Vải không dệt, 100% Polypropylene không dệt định lượng cao, ngăn cản bụi và giọt bắn mang virus. - Lớp 2: Lớp HavaAir Cotton, giúp thoáng khí - Lớp 3: Lớp HavaAir Cotton với hiệu suất lọc khuẩn lên đến 98%. - Lớp 4: Lớp vải không dệt 200gsm - Nếp mũi bên ngoài được gia công để điều chỉnh, định hình chắc chắn, ôm trọn khuôn mặt. - Dây thun đeo tai đàn hồi, bền đẹp, 24 kim - Cấu trúc khẩu trang dạng nôm, độ mở rộng từ 135x130mm, đáp ứng độ vừa khít nhiều khuôn mặt khác nhau.	12368	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	20 cái/bộ	Cái	2.000	2.205	4.410.000	9.000	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ EMC



Tổng số mặt hàng: 255 mặt hàng
Tổng giá trị: 30.145.829.085 VNĐ
(Bảng chữ: Ba mươi 9, một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng.)

